

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

佛學問答類編

Phần 1

Lão cư sĩ Lý Bình Nam giải đáp

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản in của Lý Bình Nam Lão Cư Sĩ Toàn Tập Biên Tập Ủy Viên Hội, Đài Loan, 2007)

Lời tựa cho bộ Tuyệt Lư Thuật Học Vựng Cảo

Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, trong hai ngàn năm, các vị hiện thân cư sĩ dùng pháp môn Tịnh Độ để cổ vũ người đương thời, mà cũng khiến cho hậu thế được hưởng lây lợi ích, tôi cho rằng có ba vị là Vương Long Thư đời Tống, Châu An Sĩ và Bàn Nhị Lâm đời Thanh. Nếu dựa theo truyện ký ghi chép thì xa là như Tông Thiếu Văn, Lưu Di Dân, gần thì như anh em Viên Trung Lang¹[1], cho đến gần đây thì như các vị Dương Nhân Sơn, Đinh Trọng Hựu²[2], nào phải chỉ có trăm, ngàn người mà thôi! Nhưng họ chỉ tự tu, ít tiếp dẫn đại chúng, hoặc trước tác nhiều, ít giảng nói. Ngay như ba vị đại lão Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm đối với chuyện tự hành, hóa tha, khiến cho kẻ khác tin tưởng trong lúc ấy, lưu truyền đến mai sau, vẫn chưa thể hưng thịnh bằng ngài Lý Tuyệt Lư trong hiện thời, mà đối với chuyện dựng cao pháp tràng, tiếp nhận, dung nạp mọi căn cơ, họ cũng chẳng thể nào sánh bằng Ngài.

Ngài là người xứ Tế Nam, ở gần quê hương của thánh nhân (Khổng Tử), thường dự vào trường của Diễn Thánh Công³[3], học tập di giáo Châu,

¹[1] Trung Lang là tên tự của Viên Hoàng Đạo (1568-1610). Viên Hoàng Đạo có hiệu là Thạch Công, là người xứ Công An, sống vào đời Minh, hai em trai là Viên Tông Đạo và Viên Trung Đạo đều tài danh, nên người đời thường dùng chữ Tam Viên để gọi họ. Qua trước tác, họ đã thành lập riêng một trào lưu văn học gọi là Công An Phái. Tác phẩm Phật học nổi tiếng nhất của Viên Hoàng Đạo là Tây Phương Hiệp Luận.

²[2] Trọng Hựu là tên tự của Đinh Phước Bảo, một nhà Phật học nổi tiếng thời đầu Dân Quốc, tác giả bộ Phật Học Đại Tự Điển.

³[3] Diễn Thánh Công là tước vị thế tập dành riêng cho hậu duệ đích truyền của Khổng Tử. Tước vị này được coi như bắt đầu từ thời Tần khi Tần Thủy Hoàng phong cho cháu chín đời của Khổng Tử là Khổng Phụ làm Thiếu Phó. Hán Cao Tổ đổi tước vị này thành Phụng Kỳ Quân, Hán Nguyên Đế đổi thành Bao Thành Quân, Hán Thành Đế đổi tước vị này thành Ân Thiệu Gia Hầu. Thời Tào Ngụy đổi thành Tông Thánh Hầu, rồi lần lượt đổi thành Sùng Thánh Hầu (đời Bắc Ngụy), Cung Thánh Hầu (đời Bắc Tề), Trâu Quốc Công (đời Tùy), Văn Tuyên Vương (đời Đường Huyền Tông), về sau đổi thành Văn Tuyên Công. Chức vụ này đổi thành Diễn Thánh Công dưới đời Tống Nhân Tông và danh hiệu này giữ mãi cho đến thời Dân Quốc. Năm 1935, với ý định xóa bỏ mọi quan chức nhà Thanh, chính quyền Dân Quốc đổi Diễn Thánh Công thành Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Phụng Kỳ Quan. Sau khi người cuối cùng giữ chức Diễn Thánh Công là Khổng Đức Thành qua đời vào năm 2008, chức quan này bị phế trừ, tuy con cháu Khổng Đức Thành vẫn kế tập tước vị này, nhưng không còn dinh thự, không có lương bổng, mà cũng chẳng có nhân viên trực thuộc.

Khổng đã nhuần nhuyễn; nhưng lại riêng bỏ Nho theo Phật, học hỏi khắp các Tông, dốc lòng nơi Tịnh nghiệp. Do lánh nạn, tìm xuống phương Nam, ngừng chân ở Đài Trung. Thoạt đầu, thỉnh thoảng giảng diễn kinh Phật tại chùa, miếu, tịnh thất. Dần dần, tại thành phố Như Quy, kiến lập Đài Trung Liên Xã, sáng lập Bồ Đề Thụ Táp Chí Xã, tạo lập Từ Quang Đồ Thư Quán, thành lập Bảo Hộ Động Vật Hội (hội bảo vệ động vật), lập ký nhi viện Từ Quang, viện mồ côi Từ Quang, bệnh viện Bồ Đề, về sau trở thành Bồ Đề Cứu Tế Viện. Khắp Đài Loan, cho đến tận các nơi như Hương Cảng, Úc, Nam Dương, không ai chẳng biết đến thầy Lý.

Đối với mỗi cơ sở từ thiện, Ngài đều tận tụy hoạch định, lo liệu, tiến hành, cho đến khi đã đạt quy mô hoàn chỉnh bèn giao cho người khác chủ trì, coi như chính mình chẳng can dự gì, chỉ chú trọng giảng kinh, thuyết pháp. Do tính chúng nghề nghiệp bất đồng, căn cơ sai khác, cụ chia các khóa giảng thành nhiều nơi, mỗi nơi đều có thời gian biểu cố định. Ngài qua lại các nơi ấy, dẫu mưa, gió, lạnh, nóng, vẫn chẳng sót giờ dạy nào. Lời Ngài dạy dung hợp Tánh, Tướng, hướng dẫn về An Dưỡng. Người theo học đông đảo, vượt quá hạn định; các vị môn đệ lỗi lạc cũng chia nhau dành thời giờ diễn giảng các nơi hòng ban pháp thí rộng rãi khiến kẻ lần chuỗi, đếm hơi thở, ngưỡng vọng nơi đạo. Lại thêm, Bồ Đề Thụ Táp Chí Xã đặc biệt mở mục vấn đáp. Dẫu người ta hỏi những thứ vật vãn, vụn vặt, Ngài vẫn khéo léo giải đáp cặn kẽ, cốt sao cởi gỡ mọi nghi. Lại thương xót những người học trong thời gần đây, mê man nơi học thuyết Duy Vật sai lầm, nên đặc biệt mở những khóa hội thảo tại Đài Trung dành cho sinh viên các đại học và trường chuyên khoa trong kỳ nghỉ hè, nghỉ đông, bao luôn ăn ở, nhằm giảng giải Phật pháp. Phàm những người đến học, không ai chẳng giống như được Đền Hồ rưới đảnh, hồi hận trước kia đã có cái nhìn hẹp hòi. Ngài lại tinh thông y lý, định kỳ chẩn bệnh, chữa trị, những kẻ được sống sót, bình phục không thể tính xiết. Đây chỉ là kể riêng một chuyện so với những chuyện khác mà thôi.

Tín chúng nhiều người xin được quy, Ngài nài cố là kẻ bạch y (cư sĩ tại gia), chẳng truyền Tam Quy, Ngũ Giới, giới thiệu họ tới các bậc danh đức, viết thư giới gắm. Ngài lại hai lần lễ thỉnh phương trượng chùa Thiên Ninh là Hòa Thượng thượng Chứng hạ Liên mở giới đàn. Trong lần thứ hai, người quy y thọ giới hơn một ngàn người; do vậy, [lần truyền giới ấy] được gọi là Thiên Nhân Giới Hội, tôi cũng may mắn được dự vào số ấy. Ngài ban lợi ích cho tôi, há chẳng phải là nhiều lắm ư?

Chỉ kể ngẫu nhiên một điều trong những điều trên đây đã đủ chứng tỏ Ngài là bậc thừa nguyện tái lai, nhưng Ngài một thân trọn đủ [các điều ấy], mãi cho đến nay suốt mười tám năm, trong mười tám năm ấy, chẳng có giờ nào, khắc nào, Ngài chẳng dốc trọn lòng hoằng pháp lợi sanh, ngay cả

miếng ăn, giấc ngủ cũng chẳng được thông dong. Hễ có khách hỏi đến, đều nghe Ngài trả lời: “Bận lắm”. Người đời bận bịu với quan tước, lợi lộc, vợ con, đất đai, nhà cửa, ăn uống, vui chơi, nhưng Ngài chẳng màng tới [những thứ ấy]. Ngài gởi thân trong một gian nhà hẹp lép, chẳng có quyền thuộc châu hầu, một bữa cơm chay giữa Ngọ mỗi ngày, cấy vào các đệ tử thay nhau cúng dường, dầu khổ hạnh Đầu Đà cũng không hơn được nổi! Ngài kêu bận bịu, có phải là vì tam giới chưa rộng không, chúng sanh lắm khổ, nên mới thành ra như thế đó chẳng?

Phàm những gì Ngài đã làm, dầu ba vị đại lão Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm cũng chưa thể bèn gót, nói gì đến những kẻ khác! Ấy là vì trau sửa chính mình, hoặc do hạnh thù thắng, độ người kiêm tu phước báo. Sự nghiệp của Ngài xa thẳm, huy hoàng, cũng do Ngài sẵn có thể lực để đảm đương. Tới nay đã tám mươi, vẫn đứng ngồi nhanh nhẹn, chân bước nhẹ nhàng, thoăn thoắt, nhìn xa cứ ngỡ người khoảng năm mươi, ắt là người được trời trao cho trách nhiệm to lớn, há có phải ngẫu nhiên đâu!

Ngày mồng Bảy tháng Chạp Âm Lịch năm nay, Ngài thọ đúng tám mươi, các đệ tử cao túc như các cư sĩ Khánh Quang Châu Bang Đạo, Thận Độc Hứa Tổ Thành, Thời Anh Châu Phi, Từ Tỉnh Dân, Châu Gia Lâm, Giang Tú Anh đề xướng thu thập toàn bộ những trước thuật từ trước đến giờ của Ngài, bao gồm Phật học, y học, văn học v.v... soạn thành bộ Tuyệt Lư Thuật Học Vựng Cảo, ấn hành lưu thông trong cõi đời. Khánh Quang đảm nhiệm chức vụ Thứ Trưởng xử lý thường vụ của bộ Khảo Tuyển⁴[4], kiêm nhiệm công tác biên tập phần viết về tôn giáo trong bộ Trung Hoa Đại Điển của Trung Hoa Học Thuật Viện, đã chọn lựa kỹ càng những tác phẩm chuyên viết về Phật học và thi văn trong bộ sách ấy, soạn thành Tuyệt Lư Xiển Phật Vựng Cảo để đưa vào Trung Hoa Đại Điển nhằm chúc thầy trường thọ. Ngài đã thấu hiểu đạo, quán Không, há còn quan tâm danh vọng ngoài thân? Chỉ vì hai bộ sách ấy, lớn thì hoằng dương kinh điển, bảo vệ đạo pháp, nhỏ thì giáo hóa dân, tạo thành nề nếp, và những từ ngữ ghi chép, tường thuật những tình hình tao ngộ, lên đên thật là thú vị! Từ đây, sách được khắc in dài lâu⁵[5], khiến cả trăm năm sau, kẻ nghe đến không ai chẳng dấy lòng náo nức, khiến cho tấm lòng cứu thế của Ngài há chẳng được thỏa thích đôi chút!

⁴[4] Tuy gọi là Khảo Tuyển Bộ, nhưng bộ này chẳng dính líu gì đến công tác thi cử trong bộ Giáo Dục. Khảo Tuyển ở đây chịu trách nhiệm sát hạch trình độ chuyên môn các công chức, thanh tra các cơ cấu khảo tuyển nhân viên trực thuộc chánh phủ, quy định chính sách, chế độ đãi ngộ, thăng cấp, giáng chức, thuyên chuyển công chức.

⁵[5] Nguyên văn “*thọ chi lật táo*”. Thời cổ, do in sách bằng mộc bản, ván khắc chữ thường làm bằng gỗ cây lật hoặc cây táo do số của những loại gỗ này thẳng, dễ khắc, ván lại bền, lâu hư. Vì thế, chúc tụng một tác phẩm nào sẽ được tái bản nhiều lần, người ta dùng từ ngữ “*thọ chi lật táo*”.

Tôi chưa thể đọc trọn văn chương của Ngài, nhưng đã trộm thấy được đôi chút đầu mối, lại sống cùng quê, lại từng được lạm dự giảng tòa; do vậy, đem những điều nghe biết về sự lập thân hành đạo của Ngài ghi lại đại khái. Chỉ có người như thế ấy mới có văn như thế này, mai sau vạn cuốn sách sẽ có vạn người đọc, đã có nhiều người như thế, há còn phải biện định lời tôi đáng tin nữa chăng?

Ngày lành tháng Mười Một năm Trung Hoa Dân Quốc 57, tức năm Mậu Thân (1968).

Đại biểu Quốc Dân Đại Hội, mẫn phần Ưu Bà Tắc Niệm Sanh Thái Vận Chấn, pháp danh Khoan Vận kính đề.

Lời tựa cho bộ Phật Học Vấn Đáp Loại Biên Tục Biên thứ hai

Phật học là giác học, giác cái tâm của chúng sanh. Phàm là tâm bất giác, bèn có vọng chấp, chấp sẽ gây chướng. Hễ chướng thì hết thấy mù mịt, dấy lên phiền não vô cùng. Điều quan trọng nhất là sanh nhằm thời diệt pháp, vũ trụ biến thiên, hỏi đến nguyên nhân vì sao, chẳng thể hiểu được! Kẻ hiểu học ắt sẽ suy tưởng nguyên do, nhưng nghĩ mãi chẳng ra, tìm hỏi bậc hữu đạo mới hòng biết được. Phàm phu hoặc nghiệp hiểm có kẻ nghĩ phải hỏi han, nhìn thấy khí thế gian hữu tình, vô thường lưu chuyển, vội cho là chuyện đương nhiên. Như Lai gọi những kẻ ấy là "hạng đáng thương", cần phải được giác ngộ bằng giác học. Giác học dễ nói với người đã giác, chẳng dễ nói với kẻ bất giác; nhưng kẻ đã giác thì chẳng cần phải nói, chỉ có kẻ bất giác mới cần! Kẻ bất giác chẳng biết họ cần; có nói, họ cũng chẳng thể tiến nhập. Do vậy, nói với kẻ bất giác, không chỉ khó nói, mà còn khó khăn ở chỗ phải dùng nhiều phương cách tiếp dẫn, ngõ hầu họ nhận biết họ cần phải hỏi han. Nghiệp sư Tuyết Lư ở Đông Lô^[6], hoằng hóa tại Đài Trung gần như suốt cả một đời. Cụ giảng kinh suốt năm để tiếp độ đại chúng rộng khắp, lập ra khóa bồi dưỡng vào tiết Hè và tiết Đông dành cho sinh viên đại chuyên. Lại dùng giảng học, trước thuật để tiếp dẫn rộng rãi. Dùng lễ nhạc tiếp độ kẻ học Nho, dùng thơ tiếp độ kẻ phong nhã, dùng Kỳ Hoàng^[7] tiếp độ kẻ học y, dùng lịch sử tiếp độ kẻ học rộng. Lại còn kiến lập các sự nghiệp phước thiện nhằm tiếp độ nhân quần bệnh khổ. Do vậy, chúng sanh đông đảo biết đến đạo cần thiết, đua nhau đến xin

^[6] Đông Lô là thành ngữ chỉ tỉnh Sơn Đông, do vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, địa bàn đất Lô thuộc tỉnh Sơn Đông. Cụ Lý Bình Nam là người xứ Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

^[7] Kỳ Hoàng là Kỳ Bá và Hoàng Đế, hai vị được coi là thánh tổ của y học Trung Hoa. Theo truyền thuyết, Kỳ Bá ưa thích y dược, ban ngày nếm thuốc, nghiên cứu dược tánh, ban đêm tập dưỡng sanh, nắm vững hệ thống kinh lạc. Do Hoàng Đế cũng ưa thích y học nên tìm đến học hỏi với ông; về sau, Kỳ Bá trở thành đại thần của Hoàng Đế. Người Trung Hoa vẫn coi bộ Hoàng Đế Nội Kinh là cuộc thảo luận y học giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá.

nghe dưới tòa giảng kinh. Nghe rồi suy nghĩ thấy có những chỗ không hiểu lắm, hoặc do ở chốn xa xôi chẳng thể nghe được, đều dùng thư từ để cầu xin tháo gỡ mỗi nghi, thầy mỗi mỗi đều giải đáp. Câu hỏi nhiều, lời đáp trọng yếu, hoặc là có kẻ ngoại đạo cố ý chất vấn, bắt bẻ, thầy ứng theo căn cơ để trả lời. Hoặc chiết phục, hoặc nhiếp thọ, đều xuất phát từ bi tâm, cho nên câu hỏi tuy tà, mà lời đáp là chánh, đều có đủ công năng phá mê khai ngộ⁸[8]. Bài văn đáp được đăng tải liên tục trên các tờ Giác Quần, Giác Sanh cho đến Bồ Đề Thọ. Về sau, do nhu cầu của người học càng lớn, bèn biên tập thành sách từ Sơ Biên, Nhị Biên, cho đến Tục Biên, lưu thông trong ngoài nước. Kẻ nghi vấn chưa quyết, đọc đến sẽ lập tức giải trừ mỗi nghi. Kẻ phát tâm khuyến hóa nhưng còn sợ khó khăn, đọc đến cũng cảm thấy thông suốt. Kẻ sơ cơ lẫn người học đạo đã lâu, tự hành, hóa tha, ai nấy đều có sở đắc. Tục Biên được ra đời nhằm chúc thọ thầy nhân dịp tám mươi, đến nay đã bảy năm hơn, những bài văn [vấn đáp] tiếp theo sau lại chông chênh, người đọc vẫn có nhu cầu như trước. Các bạn trong nhóm Minh Luân thưa với thầy, quyết định biên tập lần nữa để nhà xuất bản Thanh Liên ấn hành, lúc sắp lên khuôn, sai Dân viết lời tựa. Dân cũng là người đất Lỗ, nghe một chẳng thể hiểu hai, chẳng thể nhận định cao sâu hơn được, chỉ đành viết những gì đã thấy. Pháp thế gian do thầy nói chính là Phật pháp, nói pháp phổ thông chính là pháp đặc biệt. Vì thế, lễ, nhạc, thi, thư, giảng nói, giống như giữa trăm dòng sông tranh nhau chảy xiết, trong mỗi dòng thầy dẫn một chiếc thuyền to, chẳng quản quanh, chẳng cầm lại, lướt thẳng vào biển giác của Như Lai. Bộ sách này như hơi ẩm trên sông, trên biển, kéo mây, tuôn mưa, ứng theo nhu cầu của vạn vật mà tưới đẫm trọn khắp, chẳng giống, chẳng khác sông biển. Vì thế, những nghĩa trọng yếu của Ngũ Minh⁹[9] đều được bao hàm trong đây, nhưng [người đọc] chẳng thấy sâu xa, huyền áo khó nhập, trở thành giống như chuyện đương nhiên. Than ôi! Phật pháp không người nói, dẫu có trí chẳng thể hiểu. Nếu nói mà vẫn chưa hiểu thì là vì chưa thể giáo hóa một cách quyền biến. Nếu có thể vận dụng cách giáo hóa quyền biến để nói, chưa hề có kẻ chẳng hiểu. Nguyện người

⁸[8] “Phá mê khai ngộ” (phá mê hoặc, khơi gợi sự giác ngộ). Ở đây, cư sĩ Từ Tinh Dân dùng chữ Khai (啟), không phải “khai” (開) nhằm ca ngợi lời giải đáp của cụ Lý Bình Nam giống như một khai thị quan trọng hướng dẫn người học, người hỏi tự nhận thức, tự tìm ra lẽ chánh qua lời dạy.

⁹[9] Ngũ Minh (Pañca vidyā-sthānāni) năm thứ học thuật chánh yếu của cổ Ấn Độ gồm:

1. Thanh minh (Sabda-vidyā): Ngôn ngữ học, nghiên cứu điển tịch.
2. Công xảo minh (Silpakarma-vidyā): Công nghệ, kỹ thuật, toán pháp, lịch số.
3. Y phương minh (Cikitsā-vidyā): Y học, dược học, chú pháp.
4. Nhân minh (Hetu-vidyā): Luận lý học.
5. Nội minh (Adhyātma-vidyā): Cái học về diệu lý ngũ thừa nhân quả.

học thâm nhập kinh tạng, tự giác, giác tha, đọc một điều này bèn biết những điều còn lại, chưa ai chẳng thể như nguyên.

Trung Hoa Dân Quốc, năm Ất Mão (1975), Hà Nguyệt Trung Hoàn thọ nghiệp đệ tử Lô Giang Từ Tỉnh Dân kính đề

Lời Tựa cho bộ Phật Học Loại Biên

Đức Thích Ca tùy cơ diễn giáo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Tam Tạng chia thành mười hai phần, lý thú¹⁰[10] của Kinh Tạng không gì to lớn chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng được thâm tóm, pháp ắt trọn đủ. Đoái nhìn tứ chúng sơ cơ, thường cảm thấy biển giáo minh mông, sâu thăm, ngược nhìn biển cả thở dài; do vậy, đành bó gối chẳng thể tiến lên. Từ thuở đề xướng lối văn Bạch Thoại, tuổi thanh niên bắt đầu nghiên cứu kinh luận, mới có thể gắng gượng. Trong một khoa, thuật ngữ như rừng, dầu từ điển giảng giải cặn kẽ, cũng chẳng dễ đạt được lợi ích nơi pháp. Nạp tặng¹¹[11] thuở trước ở Phù Dung Sơn Tự tại Cửu Long, được cư sĩ Châu Phi tặng cho hai bộ Phật Học Vấn Đáp của cư sĩ Lý Bình Nam, nội dung những lời vấn đáp trong ấy, gọn nhẹ kê nhỏ, gọn mạnh kê to¹²[12], như đại y vương ứng theo căn bệnh ban thuốc, không gì chẳng kế cơ, kế lý, phù hợp khít khao. Nạp tặng đặt sách ấy trong núi, du khách phần nhiều thích xem, chưa đầy tháng đã không biết ở chỗ nào, đủ thấy những người cùng ưa thích bộ sách ấy rất đông. Nay Châu cư sĩ gom góp, biên tập những lời đáp của cụ Lý trước sau hơn ngàn bài, phân loại, biên soạn thành tổng tập, sai nạp tặng viết lời tựa. Lành thay! Lành thay! Mỗi câu đáp của cụ Lý, lời lẽ giản dị, ý bao trùm, chữ nghĩa không nhiều, ý nghĩa trọn đủ. Những lời ứng phó, luận định, biện bác, có lúc nghiêm ngặt như quân lệnh của Trình Bất Thức, có lúc nhanh nhạy như Lý Quảng cỡi yên, tháo dây tua đeo ấn¹³[13], nhưng chưa hề bị bắt bớ! Do vậy, biết thuở trước cụ đã học rất sâu, Tánh Tướng kiêm thông, nên mới thừa sức trả lời thoải mái như thế, đúng là bè báu độ sanh, cầu bến nơi biển giác vậy. Viết vội đôi dòng tùy hỷ để làm lời tựa.

¹⁰[10] Lý thú: Chỗ quy kết của nghĩa lý trong kinh điển.

¹¹[11] Nạp tặng: Do tỳ-kheo mặc ca-sa bằng các mụn vải chằm lại nên gọi là Nạp Tặng.

¹²[12] Đây là lời tán thán cụ Lý Bình Nam ứng cơ thuyết pháp, tâm rộng rang giống như chuông kê to hay nhỏ tùy theo người gõ. Cũng như vậy, tùy theo căn cơ sâu cạn của người hỏi, mà lời đáp phù hợp khít khao.

¹³[13] Lý Quảng và Trình Bất Thức là hai danh tướng thời Đông Hán. Lý Quảng nổi tiếng phóng túng, không chú trọng quân kỷ, nhưng thương lính như con nên binh sĩ phục tùng, thường chuyển bại thành thắng; trong khi đó Trình Bất Thức hết sức nghiêm khắc, quân lệnh như núi. Ở đây, pháp sư Dung Hy dùng từ ngữ “điều đầu thâm nghiêm” để diễn tả quân kỷ của Trình Bất Thức, điều và đầu là hai dụng cụ bằng đồng bằng sắt có thể dùng để đun nước, nấu cơm của mỗi quân nhân, và dùng để gõ làm hiệu lệnh tuần tra trong đêm tối.

Ngày mồng Ba tháng Giêng năm Ất Mùi (1979)
Sa-môn Dung Hy chùa Đại Giác, Singapore, kính cẩn đề tựa.

Lời tựa cho bộ **Phật Học Vấn Đáp Loại Biên**

(đây là một trong hai lời tựa do người biên tập đã viết cho tập sách nhỏ Phật Học Vấn Đáp khi đang chủ trương tạp chí Giác Sanh trước kia)

Tiên sinh Lý Tuyết Lư ở Tế Nam, Quốc Học uyên bác, thông hiểu nội điển sâu xa, phát vô thượng nguyện hoằng pháp lợi sanh. Từ thuở đến Doanh Kiêu¹⁴[14], đi khắp nơi giảng kinh, đốc trí chói ngời, lưỡi sen màu nhiệm rạng rỡ. Vì thế, kẻ sơ cơ cùng người học đạo đã lâu, chen nhau theo về, phong khí đại khai, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo. Cụ lại nhân lúc thanh nhàn, giải đáp những nghi nan cho người khác. Nếu lời lẽ vẫn chưa đủ, bèn dùng thêm văn tự [để chỉ bày]. Một lần nói chưa đủ, thời chẳng nề hà giảng đôi ba lượt. Giống như gõ chuông, gõ nhẹ ắt chuông ngân nhỏ, gõ mạnh ắt chuông ngân to. Trong nhà ngoài ngõ, lăm phen khéo léo khuyên dụ, vô úy bố thí tốt bậc. Thật đáng gọi là "*hiện thân cư sĩ, hành hạnh Bồ Tát đạo*" vậy!

Các đề tài vấn đáp từ nguyệt san Giác Quần cho đến nguyệt san Giác Sanh, mỗi kỳ đều có chuyên mục đăng tải. Lời văn giản ước, nghĩa lý viên dung, thuận đạo, khế cơ, khai Quyền, hiển Thật, dùng các thí dụ gần gũi, thường trích dẫn rộng rãi kinh Phật, khiến cho [người đọc] đâu đâu cũng gặp nguồn, Nho lẫn Thích đều thông hiểu lẽ uyên áo. Dứt tà thuyết, uốn nắn những lời lẽ lệch lạc, hòng gìn giữ đạo của bậc thánh thuở trước, tuyên lưu pháp âm, diễn Chân Đế, nhằm hoằng dương tông phong liên xã. Nêu một điều hòng biết được mọi điều, đoạn nghi khởi tín, hiểu tâm chẳng ở đâu xa, người đọc cố nhiên có thể tự lãnh hội!

Chủ biên tờ Giác Sanh là cư sĩ Châu Thời Anh đã tập hợp các đề tài vấn đáp từ số báo thứ mười trở về trước, biên soạn thành Phật Học Vấn Đáp Sơ Tập. Nay lại tập hợp những đề tài vấn đáp từ số báo mười hai cho đến số hai mươi ba, biên soạn thành tập thứ hai. Đính ngọc thù gã, phong phú ngoạn mục, phương tiện khá nhiều, công đức chẳng cạn, vâng mệnh viết lời tựa, quên bằng bản thân cố chấp, thô lậu, vui vẻ viết lại những điều hiểu biết hẹp hòi nơi đây, chắc tiên sinh Tuyết Lư chẳng cười những lời lẽ sơ sót vì bị văn tự chướng đó ư?

Ngày mồng Chín tháng Bảy năm Dân Quốc 41 (1952), Châu Bang Đạo kính cẩn viết lời tựa

¹⁴[14] Doanh Kiêu (瀛嶠): Một tên gọi ít phổ biến của Đài Loan, Doanh là biển khơi, Kiêu là ngọn núi cao nhọn.

Ngọn đèn trí huệ

(thay cho lời ghi sau khi hoàn thành công tác biên tập)

Trưởng giả Tuyết Công tuổi hạc đã bảy mươi tư, do bốn mươi năm tu trì, thâm nhập, lại thêm tâm huyết trong mười năm hội tụ thành Văn Tự Bát Nhã, [các môn đệ] tập hợp những câu hỏi đã nêu ra về đạo Phật và Nho, trao cho tôi làm công tác biên tập, đèn huệ thấp cao, nhưng vì tôi là kẻ tình chấp nặng nề, nghiệp chướng sâu thẳm dường ấy, lại có thể nương theo phước huệ to lớn như thế, trong lòng buồn vui chen lẫn!

Nhớ hai năm trước, vì cầu chứng một vấn đề trong sự tu học, tôi đã xem trọn toàn bộ phần vấn đáp đăng tải trong nhiều năm qua trên tờ Bồ Đề Thụ, đem đối chiếu [với vấn đề mình đang thắc mắc, những lời vấn đáp của cụ] khiến cho tôi ngay lập tức là kẻ đang đi trong đêm đen đột nhiên như bước vào một thế giới sáng ngời, rạng rỡ.

Tôi làm công tác biên soạn cuốn sách này, giờ đây [bản thảo] trên chiếu tatami¹⁵[15] trong Bồ Đề Tinh xá của lão hữu Thời Anh, suốt ngày trước mắt toàn là những chữ bằng mực đen nháy múa trên nền giấy trắng, mỗi một chữ chiếu rọi mắt tôi, khác nào luồng ánh sáng trí huệ rạng ngời. Tôi phải nói như vậy, vì tôi cảm nhận sâu xa, một vị hành nhân Phật học nếu thiếu khuyết công phu tu trì, trọn chẳng thể đạt được trí huệ như thế (điều này chẳng giống như kẻ thông minh trong thế tục). Nếu không có trí huệ, chỉ dùng văn tự để soạn thành tác phẩm sẽ chẳng có ánh sáng như thế. Thiếu trí huệ thì nơi hành vi, tâm sẽ không có cách nào chuyển cảnh.

Tôi vừa biên soạn, vừa suy lường, chọn lựa, lấy ra ba câu cụ Lý trả lời cư sĩ Lô Vĩnh Dự để làm chứng tu trì và trí huệ phải sóng đôi với nhau như thế nào. Nhờ đó, chúng ta có thể thấy được công phu và cảnh giới của cụ Tuyết Lư ra sao?

Ông Lô hỏi: Xin hỏi thầy, niệm Phật mà chấp tướng quá lỗ sẽ có những khuyết điểm gì?

Đáp: Quá lỗ là toàn phần. Chấp tướng quá lỗ thì toàn tướng chính là tánh!

Ông Lô hỏi: Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong cõi Cực Lạc và tướng hảo, quang minh của Phật Di Đà, tôi ngày đêm niệm niệm chẳng quên, có phải là chấp tướng quá lỗ hay chẳng?

Đáp: Có thể nói là "toàn sự, toàn tướng".

Ông Lô hỏi: Thiên từ vô tướng để vào, Tịnh từ hữu tướng mà vào, chỉ cần có thể vào, chẳng cần biết là vô tướng hay hữu tướng, đúng chẳng? Nhưng chúng sanh đời Mạt Pháp vọng tưởng, chấp trước quá sâu, bước đầu

¹⁵[15] Tatami là một loại thảm hay đệm lót nền kết bằng rơm trong kiến trúc truyền thống của Nhật Bản.

đều phải chọn cách hữu tướng để vào. Đối với cách tham thoại đầu của nhà Thiền, cư sĩ Phương Luân ví như lấy độc trị độc, cũng có thể nói là từ hữu tướng mà vào, điều này có nghĩa là như thế nào?

Đáp: Cách nhìn ấy cũng là siêu việt.

Điều được hỏi trong ba câu hỏi ấy chính là "bệnh xứ", người hiện thời học Phật đối với chuyện dụng công, phần nhiều hoang mang chẳng thể "nhập tướng", cụ Lý điểm chỉ như thế, còn gì tinh xác, hay đẹp hơn!

Những lời vấn đáp như thế, đọc đến như uống quỳnh tương, tương ứng khít khao, mắt chẳng thấy xiết, tôi tin kẻ có duyên đọc đến những câu ấy đều là người có phước!

Tôi biên tập bộ sách này, tuân theo trình tự của luận lý học, tiến hành chỉnh lý theo phương cách tổng hợp và quy nạp, khiến cho mỗi một đề mục có thể tạo thành một tiểu loại riêng, khiến cho kết cấu nội dung có mỗi liên quan hỗ tương [giữa các đề mục vấn đáp] ngõ hầu những bằng hữu có duyên đọc tới như tôi đều được thấm đẫm pháp vị.

Đọc xong cuốn sách trong mười ngày đêm, xem hai ngàn sáu trăm sáu mươi ba lần hỏi đáp, người hỏi là một ngàn một trăm ba mươi ba người, khoảng bốn mươi bốn vạn tám ngàn năm trăm chữ.

Trong đó, những câu hỏi liên quan đến Tịnh Tông chiếm đến năm trăm hai mươi chín câu, người hỏi là hai trăm ba mươi lăm vị, chiếm đến tám vạn sáu ngàn chữ, gần như tất cả những câu hỏi về niệm Phật đều được bao gồm. Đồng thời tôi cũng nên nêu ra một vấn đề, riêng cư sĩ Hồ Chánh Lâm đã hỏi bảy mươi sáu câu, câu nào cũng hỏi về chuyện bên lẽ của đường lối Phật Thích Ca, tôi cảm thấy người này thưa hỏi với một tâm lý kiêu ngạo!

Mười ngày qua, toàn bộ tinh thần và tư tưởng của tôi vấy vùng trong biển pháp, toàn bộ tâm linh tôi sáng bừng ngọn đèn trí huệ, ngọn đèn ấy chẳng chỉ chiếu sáng riêng tôi, mà còn chiếu rạng ngời ngời người khác.

Gần đây tôi đọc một tác phẩm văn học rạng ngời khá đầy đủ tư tưởng Phật học của nữ sĩ Hoa Nghiêm là cuốn Ngọn Đèn Trí Huệ, tác phẩm ấy sinh động, đẹp đẽ, khiến cho người đọc cảm động, nhất là cảm nhận đời người là một chuyến lữ hành gieo neo, tối tăm, điều thiếu sót chánh yếu là một ngọn đèn trí huệ, nay chúng ta được đọc sách văn tự Thiền của cụ Tuyết Lữ, chúng ta càng được gội đẫm ân Phật.

Ngày Hai Mười Chín tháng Giêng năm Dân Quốc 51 (1962), Trần Huệ Kiểm viết ở Bồ Đề Tinh xá tại Đài Trung.

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

佛學問答類編

Phần 2

I. Thông Vấn (những câu hỏi tổng quát)

* Hỏi: Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, đại sự là những sự nào? (*Dư Bình hỏi*)

Đáp: Đại sự là sanh tử. Xin hãy suy nghĩ kỹ, trong nhân gian còn có chuyện nào lớn hơn điều này nữa ư? Chỉ có mình đức Phật có thể liễu sự này, cho nên Ngài ứng thế để giải quyết chuyện này cho chúng sanh.

* Hỏi: Đời người rốt cuộc là sống vì điều gì? Phật giáo nói như thế nào? (*Thí Vô Úy hỏi*)

Đáp: Điều này gọi là nhân sinh quan, quan điểm mỗi người khác nhau. Phật pháp bảo là do nghiệp lực thiện ác dẫn dắt. Mỗi lần đến lãnh quả báo thì người ngộ sẽ nhờ vào đấy mà tìm cầu giải thoát, kẻ mê lại tạo ương họa mới, lại phải chịu quả báo về sau.

* Hỏi: Trên cõi đời, chân lý trong vũ trụ có phải là một hay không? Ai (tôn giáo nào) là chân lý duy nhất? (*Hoàng Thánh Hống hỏi*)

Đáp: Vấn đề này khá mơ hồ. Vũ trụ to lớn, sự vật nhiều, phải nói từ nơi nào? Ở đây, có thể nói: Mỗi sự vật đều có một chân lý. Nếu quy nạp thì có một chân lý chung, đó là "*vạn pháp quy nhất*". "*Vạn pháp quy nhất*" là Nhất Chân pháp giới, nhưng nó chẳng giống với vạn vật. Vạn vật sanh diệt vô thường, Nhất Chân pháp giới như như bất động, nên gọi là Chân. Tôn giáo nào ngộ được lý này, sẽ có căn cơ, đó là chân lý tôn giáo.

* Hỏi: Phật và thánh nhân có gì khác biệt? (*Lý Trung Tâm hỏi*)

Đáp: Thánh nhân có nhiều loại khác nhau, có hai loại lớn là thế gian và xuất thế gian. Từ hai loại này, lại chia thành bao nhiêu loại nữa. Đối với thánh nhân thế gian, chỉ lấy Trung Quốc để luận thì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng Tử, Bá Di, Liễu Hạ Huệ [16] v.v... đều là thánh nhân. Thánh nhân xuất thế gian thì từ Thập Địa Bồ Tát trở xuống Duyên Giác, Thanh Văn v.v... đều là thánh nhân. Phật khác

cả hai loại này, tức là những gì mà hai loại thánh nhân trên đây biết, có thể làm, Phật đều biết, đều có thể làm; nhưng những điều Phật biết và có thể làm, có những điều mà hai loại thánh nhân trên đây chẳng biết, chẳng làm được!

* Hỏi: Phật giáo cứu thế có nhân quyền độc lập xuất thế, vì sao xen vào chuyện thiện ác thế gian, [phán định] cái này đúng, cái kia sai? (*Trần Văn Vân hỏi*)

Đáp: Phật pháp trong thế gian, chẳng lìa thế gian giác. Chẳng nói tới phiền não, làm sao hiển lộ Bồ Đề?

* Hỏi: Trước Phật, cúng dường các thứ như hương, hoa, trà, bánh, trái cây, có ý nghĩa gì? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Ở đây có Sự và Lý khác biệt. Sự là nương theo các phẩm vật cúng dường thường dùng trong lễ nghi thế tục nhằm biểu thị lòng thành kính mà thôi. Về Lý thì do trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng; vì thế, dùng phẩm vật để thay thế pháp. Hương biểu thị tinh tấn, nến biểu thị trí huệ, hoa biểu thị nhẫn nhục, nước trà biểu thị bố thí, bánh và trái cây biểu thị Thiên Định. Lại còn một loại [vật phẩm cúng dường] là đồ hương (hương bôi), Hiến Giáo phần nhiều không dùng tới, nhưng đồ hương^{16[17]} vẫn thuộc về ý nghĩa trì giới. Hợp những nghĩa này lại thì các phẩm vật cúng dường [biểu thị] Lục Ba La Mật.

* Hỏi: Có người nói Phật giáo chẳng đốt giấy vàng bạc, chỉ dùng trái cây, hương, hoa, nến, trà, cúng dường Phật, Bồ Tát nhằm ý nghĩa gì? (*Vương Kế hỏi*)

Đáp: Giấy tiền vàng bạc đều là vật để ban cho quỷ thần, cho nên vô ích đối với Phật. Cúng Phật cũng chẳng qua nhằm biểu lộ lòng thành kính của ta, há Phật thật sự hưởng thụ? Nhưng đức Phật từ bi cấm giết, chế định ăn chay; cho nên cúng Phật cũng chỉ dùng các loại như trà, quả v.v...

^{16[17]} Đồ Hương (Vilepana) là loại hương dùng để bôi trên thân nhằm khử mùi hôi khi trời nóng bức. Có nhiều loại đồ hương, đơn giản nhất là loại dùng Chiên Đàn nghiền thành bột hòa với nước để bôi trên thân, có loại dùng sáp hòa hương liệu để bôi thân, có loại xông ướp áo cho thơm. Nói cách khác, có thể hiểu Đồ Hương là các loại nước hoa và các chất deodorant sau này. Do đồ hương có tác dụng khử mùi hôi, khiến cho thân thể thơm tho, giống như trì giới khiến cho thân tâm thanh tịnh, thơm sạch, xông ướp thân tâm bằng hương đức hạnh. Vì thế, Đồ Hương biểu thị Trì Giới.

* Hỏi: Có người hỏi, nhà Phật cúng Phật dùng trái cây, hương, hoa, nến, trà là do ý nghĩa gì, xin thầy khai thị minh bạch. (*A Đào hỏi*)

Đáp: Vật cúng vốn có nhiều thứ, nói chung tuân theo nguyên tắc "chẳng giết hại sanh mạng loài vật". Nếu nói chi tiết, những vật dùng để cúng dường cũng nhằm thể hiện nghĩa lý. Nay nói về ý nghĩa của những thứ vừa được nêu lên [trong câu hỏi] thì trái cây là thực vật nhằm biểu thị Thiền Định, hương biểu thị tinh tấn, hoa biểu thị nhẫn nhục, nến biểu thị trí huệ, trà là nước, biểu thị bố thí.

* Hỏi: Trước ngực mỗi tượng Phật, đều có chạm một chữ Vạn to hay nhỏ, chẳng biết vì nguyên do như thế nào? (*Tạ Trí Viễn hỏi*)

Đáp: Thân Phật có ba mươi hai thụy tướng, chẳng giống như người tầm thường. Chữ ấy cũng là một trong các thụy tướng.

* Hỏi: Người xuất gia thuộc thế hệ đầu tiên ở Trung Quốc là pháp sư nào? (*Thích Tâm Xuyên hỏi*)

Đáp: Phật giáo bắt đầu truyền vào Trung Hoa, còn chưa thể nói chắc chắn là trong đời Châu, Tần, Hán hay Ngụy, làm sao có thể nói người xuất gia đầu tiên ở đất Hán [là ai]. Nếu thừa nhận [Phật giáo] bắt đầu [truyền vào Trung Hoa] kể từ thời Hán Minh Đế, nếu dựa Hán Pháp Bản Nội Truyện¹⁷[18] đã ghi đại lược: "*Khi ấy, quan Tư Không¹⁸[19] là Lưu Tuấn Đức và đạo sĩ Lữ Huệ Thông v.v... gồm một ngàn người, thỉnh cầu xuất gia, vua đều chấp nhận*" thì có thể nói là những vị như ông Lưu là người xuất gia đầu tiên. Lại dựa theo bộ Cao Tăng Truyện đời Lương và cuốn Tam Bảo Ký của Phí Trường Phòng đã nói: Vào đời Tào Ngụy, trong niên hiệu Cam Lộ của Cao Quý Hương Công¹⁹[20], Châu Sĩ Hành người xứ Dĩnh Xuyên là

¹⁷[18] Đây là một tác phẩm ghi sự truyền thừa của Phật giáo vào Trung Hoa, không rõ viết vào thời nào và ai là tác giả. Theo đó, Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ thời Hán Minh Đế trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-75) và đã liên tục bị Đạo giáo công kích. Nguyên bản hoàn chỉnh của tác phẩm này đã bị thất truyền, chỉ còn những phần trích dẫn trong các bộ sử liệu về sau như Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành, Quảng Hoảng Minh Tập, Pháp Uyển Châu Lâm v.v...

¹⁸[19] Tư Không là chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, được xếp vào hàng Tam Công, tương đương với Lục Khanh. Tư Không cùng với Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ được gọi là Ngũ Quan. Tư Không tương đương với Thượng Thư bộ Công về sau này, chương quản công tác thủy lợi, xây dựng cung thất, các công trình công cộng v.v...

¹⁹[20] Cao Quý Hương Công là tước hiệu của Tào Mao (241-260), là cháu nội của Tào Phi (con trai trưởng của Tào Tháo). Năm 254, quyền thần Tư Mã Sư phế lập Tào Phương (Ngụy Thiệu Đế), đưa Tào Mao lên ngôi vua, làm con rối cho Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu thao túng. Khi vua trưởng thành, toan trừ khử bè lũ Tư Mã Sư,

người xuất gia đầu tiên ở đất Hán. Thời đại xa vời, mờ mịt, chuyện xưa khó thể có chứng cứ đích xác. [Dĩ nhiên sử liệu] chẳng phải chỉ có như thế, trong lúc chưa phát hiện những thuyết khác, tạm chấp nhận hai thuyết này để làm tài liệu tham khảo cũng được, nhưng cũng chớ nên chấp chặt phải là như vậy.

* Hỏi: Phải trọn đủ mấy điều kiện thì mới là Tăng Bảo? (*Trần Tâm Nguyên hỏi*)

Đáp: Hiến thân cứu độ chúng sanh, trước hết là bỏ lìa quyến thuộc, điền sản, vào chùa cầu tỳ-kheo xuống tóc, đó gọi là xuất gia. (Nói thông thường) lại phải thọ các giới từ Sa Di cho đến Tỳ-kheo Cụ Túc, mới gọi là Tăng Bảo. Nhà Phật chế định giới luật như thế. Phàm những ai biết đôi chút về giới luật, không ai chẳng biết [như vậy].

* Hỏi: Vì sao tại gia cư sĩ chẳng thể thâm nhận đệ tử quy y? (*Trần Tâm Nguyên hỏi*)

Đáp: Tăng có nghĩa là Chúng, nhằm chỉ đoàn thể của hết thầy các vị tỳ-kheo. Quy y Tăng, thật ra là quy y đoàn thể tỳ-kheo. Người tại gia bất quá là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ mà thôi, trọn chẳng phải là tỳ-kheo, không có tư cách dự vào Tăng đoàn, sao có thể tiếp nhận, trao truyền quy y xằng bậy được?

* Hỏi: Chẳng biết người tin Phật có thể tin tưởng sâu xa vào vận mạng do những thầy tướng số, bói toán đã phán đoán hay không? (*Thiện Nhân hỏi*)

Đáp: Mạng do tâm tạo, bọn thầy bói há có thể chi phối tâm ta ư? Chuyện Sa Di cứu kiến được tăng tuổi thọ là tấm gương thuở trước [đấy thôi].

* Hỏi: Làm việc thiện, gieo nhân lành, tương lai có thể đắc thiện quả, đó là đạo lý nhất định, nhưng vì sao niệm kinh, niệm chú là gieo phước, [điều này] khiến cho kẻ khác cảm thấy hơi khó hiểu? (*Hoàng Quan Trung hỏi*)

nhưng bất thành, bị giết, nên không có đế hiệu. Sử chỉ gọi vua là Cao Quý Hương Công theo đất phong khi còn là công tử của Đông Hải Vương Tào Lâm.

Đáp: Đã tin gieo thiện nhân đăc phước quả, thì nên biết gieo ác nhân đăc khổ quả. Xin hãy suy xét cẩn thận, chúng sanh hằng ngày gây tạo: Thân giết, trộm, dâm lăm phen, miệng nói dối, ác khẩu, nói đoi chiều, nói thêu dệt lăm nổi, những việc thiện thật sự ít ỏi, hiếm hoi! Xét đến cái gốc của những tạo tác thì chỉ là do Ý. Hễ ý thiện thì thân và miệng thể hiện điều lành, ý ác ătt thân miệng thể hiện điều ác. Tụng kinh chú của Phật, ý ác chẳng sanh; thời gian chẳng nảy sanh ác chính là thời gian gieo phước vậy!

* Hỏi: Đức Phật nói con người suốt ngày vùng vẫy, thoi thóp trong biển khổ sóng sầu, nhưng vì lẽ gì lại nói thân người khó đăc? (*Hoàng Quan Trung hỏi*)

Đáp: Thân người sầu khổ, có thể khơi gợi phát khởi các tâm nham lầ, xuất ly. Tuy khổ, nhưng chưa đến nổi cùng cực, vì còn có cơ hội tu hành đăng pháp. Nếu là chư thiên, ătt hưởng lạc quên lo lăng [cho thân sau], Tu La sần hận chẳng cởi gỡ đăc, súc sanh ngu si, nặ quý đoi khát, đặ ngục chịu khổ chẳng gián đọa, đều chẳng có duyên giải thoát. Do vậy, nhân gian đăng quý.

* Hỏi: Nghe nói Quán Âm Bồ Tát thành Phật đă lâu, danh hiệu của vị Phật ấy là gì? (*Châu Huệ Tiên hỏi*)

Đáp: Theo Thiên Thủ Thiên Nhãn Đặ Bi Tâm Đà La Ni Kinh, Ngài có hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai; đoi là chuyện trong quá khứ vô lượng kiếp, sao có thể nói [đích xác] năm tháng nào!

* Hỏi: Vô số Hằng hà sa cỏi Phật có phải là tam thiên đặ thiên thể giới hay không? (*Thái Thế Phương hỏi*)

Đáp: Tam thiên đặ thiên là con số có thể tính ra đăc, Hằng hà sa là con số khó thể tính toán.

* Hỏi: Lục Độ của Đặ Thừa và Ngũ Giới Thập Thiện trong Tiểu Thừa có chỗ nào khác nhau? (*Thái Thế Phương hỏi*)

Đáp: Ngũ Giới, Thập Thiện phần nhiều mang ý nghĩa tự tu, Lục Độ phần nhiều mang ý nghĩa lợi ích người khác, đặ là chỗ khác nhau.

* Hỏi: Đi đăc gặp xuất gia Tăng Bảo, chẳng biết có thể đănh lễ ngay trên đăc, hay nên làm như thế nào? (*Trần Lâm Châu hỏi*)

Đáp: Cư sĩ gặp Tăng Bảo, đứng ra nên đánh lễ, nhưng ở ngoài đường sá, có thể phương tiện là chấp tay, xá chào là được rồi. Đường sá là nơi xe ngựa qua lại, nếu rạp mình đánh lễ sẽ gây trở ngại giao thông!

* Hỏi: Nếu mới gặp bậc đại đức lần đầu, hướng về vị ấy đánh lễ, vì sao trong tâm cảm nhận buồn thương, như gặp lại người chí thân xa cách đã lâu, hai mắt toan ứa lệ, là nhân duyên như thế nào? (*Nhan Phật Triệu hỏi*)

Đáp: Đây chính là tâm chí thành khẩn thiết, thân cận, cung kính tột bậc, nên biểu hiện ra như thế!

* Hỏi: Vì sao bậc hòa thượng trọn đủ thần thông chỉ thấy trong sách vở, hiện thời có những trường hợp thật sự như vậy hay chẳng? Ở Đài Loan có hay chẳng? (*Trương Cung hỏi*)

Đáp: Thật sự có bậc thần thông, nhưng họ đều giữ kín, chẳng nói ra. Phàm những kẻ tự mình khoe khoang đều là hạng vô đạo! Như vậy thì người thật sự hữu đạo, người khác làm sao biết được?

* Hỏi: Sách Quán Âm Đắc Đạo là tiểu thuyết dễ đọc về Phật giáo trong dân gian, xin hỏi những sự từng trải trong quá trình đắc đạo [của Quán Thế Âm Bồ Tát] như đã kể trong sách ấy có chính xác hay không? (*Hương Viễn hỏi*)

Đáp: Bịa đặt, đồn thổi! Chỉ là những kẻ nhàn tản lúc chiều tà, bên sườn đồi, dưới cội cây, hướng về những ông già bà cả trong làng kể chuyện cười mà thôi!

* Hỏi: Kinh Phật rất nhiều, khó thể đọc trọn, xin chọn lựa tên gọi của mấy bộ kinh Phật vừa có chú giải, vừa có chỗ bán, và xin thầy chỉ dạy thứ tự xem đọc trước sau! (*Trần Chung Ngũ hỏi*)

Đáp: Để trả lời câu hỏi này; trước hết, tôi kính dâng một lời: Khi mới cầu học, chỉ nên chiếu theo cách làm của người tu thuở trước, tạm thời chớ nên mong mỏi suy xét, [phê phán] điều này đúng, điều kia sai! Đối với thứ tự nghiên cứu, chẳng ngại từ đơn giản cho đến phức tạp! Bắt đầu bằng Bát Đại Nhân Giác Kinh, tiếp đó nghiên cứu Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Phật Di Giáo Kinh, Phạm Võng Kinh, đây là những kinh dạy về kiến thức thông thường cần phải có! Tịnh Độ Tam Kinh thuộc về Hạnh môn cầu đắc Định. Bách Pháp Minh Môn Luận, Bát Thức Quy Củ Tụng, Tam Thập Duy Thức

Tụng, Kim Cang Kinh, Bát Nhã Tâm Kinh, Vĩnh Gia Thiền Tông Cập Chứng Đạo Ca, những kinh luận này để học về Tánh và Tướng, chủ yếu là huệ giải. Đại Thừa Khởi Tín Luận, luận này dung hội Tánh và Tướng, có thể điều hòa những thiên chấp. Sau khi trải qua giai đoạn này rồi mới nghiên cứu những bộ kinh sách lớn, sẽ tương đối dễ ngộ nhập hơn. Chắc là những tiệm lưu thông kinh sách Phật giáo ở Đài Loan đều có những sách kể trên.

* Hỏi: Phật giáo lấy hư tịch làm Tông, chẳng đến, chẳng đi, lại chẳng tin vào thuyết luân hồi, nhưng vì Phật giáo chưa phá hoại thuyết luân hồi của Bà La Môn Giáo Ấn Độ, đối với "cái chưa phá hoại" ấy, có phải là Phật giáo cũng thuận tình mê tín hay chẳng? (*Trương Hồng Thanh hỏi*)

Đáp: Khi chúng sanh chưa tỉnh giấc mộng lớn, bèn có luân hồi. Hiện tượng này rành rành, chẳng phải là mê tín. Chuyện này chẳng thể nói là đồng ý với Bà La Môn. Ví như người Hoa có miệng để ăn, người ngoại quốc cũng có miệng để ăn. Thậm chí các loài động vật đều có miệng để ăn; đó là vấn đề hiện thực. Chẳng thể nói ai đồng ý với ai, còn như "chẳng đến, chẳng đi" là nói về Pháp Thân, có chút khác biệt với "vô minh thức thần".

* Hỏi: Nhân quả luân hồi và thế giới Cực Lạc được nói trong Phật giáo có phải là chỉ nhằm khiến cho người ta dễ tin vào chuyện "chánh tâm, dưỡng tánh" mà thôi, hay là thật sự có chuyện ấy? (*Trương Xuân Huyền hỏi*)

Đáp: Người mới học làm sao có thể hiểu rõ tâm tánh, càng nói cặn kẽ, họ càng chẳng hiểu. Nếu như tinh tấn chẳng lười, sau năm sáu năm, lại nhắc đến vấn đề này, cũng chẳng phải là trễ. Những điều ông hỏi như nhân quả, luân hồi, Cực Lạc v.v... đều chân thật, chẳng dối, đừng nghi rồi hiểu sai lầm, mờ mờ mịt mịt chuốc lấy ương họa!

* Hỏi: Tôi đang bị bệnh phổi, tiên sinh có phương thuốc thần diệu nào để chữa trị hay chẳng? Kính mong Ngài vốn giữ tâm niệm từ bi sẽ bảo cho biết (*Trương Xuân Huyền hỏi*)

Đáp: Bệnh phổi có nhiều loại, há có thể chấp cứng một toa thuốc rồi bộp chộp dùng một toa thuốc ấy để trị khắp các chứng bệnh phổi? Cũng giống như chúng sanh Hoặc nghiệp khác nhau, nên [đức Phật] mới xét căn cơ mà nói tám vạn bốn ngàn pháp.

* Hỏi: Nhãn Minh Kinh có phải do đức Phật nói hay không? Chỉ tụng kinh ấy sẽ khiến cho con người được sáng mắt, hiệu nghiệm phi thường, có thể cứu lành bệnh mắt vốn chẳng chữa trị được. Nếu kinh ấy chẳng do đức Phật nói thì có thể dùng để cứu người được chẳng? (*Lại Trần Cát hỏi*)

Đáp: Nhãn Minh Kinh được thế tục truyền tụng trọn chẳng phải do đức Phật nói. Kinh ấy bất quá thuộc về thuật thôi miên; tuy có thể chữa bệnh, nhưng cũng chẳng có gì lạ lùng, chớ nên tập theo. Phải biết vạn pháp duy tâm, linh thiêng là do lòng Thành. Nếu muốn sáng mắt, có thể tụng Nhãn Minh Kinh của nhà Phật. Kinh nào vậy? Chính là bốn câu "*thanh tịnh vô cấu quang, huệ nhật phá chư ám, năng phục tai phong hỏa, phổ minh chiếu thế gian*" (quang minh thanh tịnh, vô cấu, mặt trời trí huệ phá các tối tăm, có thể trừ tai nạn, gió, lửa, chiếu sáng khắp thế gian) [trong phẩm Phổ Môn], lại còn niệm thánh hiệu Quán Âm, hai mắt sẽ sáng ngời.

* Hỏi: Kẻ hầu đồng chẳng có bao nhiêu chữ nghĩa, nhưng khi ngồi đồng có thể làm thơ, có thể vẽ vời, sau khi ra khỏi đàn bèn chẳng biết gì nữa, là do nguyên nhân nào? (*Dương Tử Hy hỏi*)

Đáp: Chắc là có quỷ hay hồ ly thông thạo chữ nghĩa dựa vào mà thôi, những chuyện quái đản ấy người tu đạo nên tránh xa!

* Hỏi: Có người hỏi: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, có bậc A La Hán có thể hiện các thứ thần thông. Hiện thời có A La Hán hay chẳng? Nếu đã chứng Tứ Quả A La Hán thì sau khi lâm chung, thần thức sẽ đi về đâu? (*Diệu Canh hỏi*)

Đáp: Bọn phàm phu chúng ta chẳng nhận biết bậc thánh, chẳng dám nói đời hiện tại có [A La Hán] hay không! Nếu đã viên chứng Tứ Quả, tức là đã đoạn Phần Đoạn sanh tử, sẽ mặc sức tự tại, chẳng thể nói thần thức đến nơi nào được!

* Hỏi: Đối với lời thưa hỏi đăng trên tạp chí Bồ Đề Thụ số ba mươi, trong lời khai thị thứ năm đã dạy: "*Chẳng nghe chuyện Tăng Sâm nghe tiếng giết lợn v.v...*", xin hãy khai thị rõ ràng hơn. (*Lý Vĩnh Mậu hỏi*)

Đáp: Tăng Sâm^{20[21]} thuở nhỏ nhà nghèo, nghe hàng xóm giết lợn, hỏi mẹ. Mẹ nói đùa: “Họ giết cho con ăn thịt đấy”. Nói xong, mẹ rất hối hận, rất cuộc bán quần áo, đồ đạc để đổi lấy thịt cho con ăn, hồng giữ trọn chữ tín.

* Hỏi: Ma Vương có thể xua các loài quỷ mị tới nhiều loạn Chánh Pháp. Trước khi thành đạo, đức Phật ngồi trên tòa Kim Cang, Ma Vương cũng từng uy hiếp, đem lợi lạc dụ dỗ hồng phá hoại; Ma Vương có vượt ra ngoài nghiệp báo hay chẳng? Nếu không, lẽ ra phải đọa địa ngục ngay trong thân ấy! Nếu nói ma vốn tượng trưng cho vô minh và tình dục nơi tự tánh, nên nói “*đạo cao một thước, ma cao một trượng*”, đích xác là có một vật đối lập ư? Pháp Thân trọn hết thảy, theo nghĩa ấy, có phải ma cũng chính là Phật hay chẳng? (Lê Minh Thời hỏi)

Đáp: Ma đã nhiều loạn Chánh Pháp, tức là khởi Hoặc, tạo nghiệp, báo hết, cái nhân chín muồi, hẳn sẽ tự chịu báo! Đức Thế Tôn bị ma quấy nhiễu, đấy chính là một trong tám tướng thành đạo, thiện xảo thuyết pháp, chẳng phải là thật. Ma biểu thị vô minh, nói như vậy cũng chẳng sai, bởi lẽ, vạn pháp duy tâm, khi giác là Phật, lúc mê bèn là ma.

* Hỏi: A Tu La ở giữa loài người và súc sanh thì là vật gì vậy? (Lê Minh Thời hỏi)

Đáp: Có phước, thiếu đức, đó là một loại chúng sanh tương tự như trời, tương tự như thần.

* Hỏi: Tôi đọc bài Tâm Đắc Do Đọc Học Thuyết Của Vương Dương Minh của cụ Mạc Chánh, bậc đại nho nổi tiếng một thuở là Vương Dương Minh rất cuộc đã lén trộm lấy Phật pháp để khoe tài vật. Hơn nữa, học nhân cũng quen biết ông X... nghiên cứu Phật pháp rất sâu, nhưng lại theo đạo Cơ Đốc, nhưng thật ra chẳng phải là theo đạo Cơ Đốc thật sự, chỉ là gheo đời,

^{20[21]} Tăng Sâm (505-435 trước Công Nguyên), tự là Tử Dư, người xứ Nam Phú, nước Lỗ (nay là Bình Ấp, tỉnh Sơn Tây), là một trong những học trò lỗi lạc của Khổng Tử, có mỹ hiệu là Tông Thánh. Tăng Sâm, Khổng Cấp, Nhan Hối và Mạnh Tử, được Nho gia xưng tụng mỹ hiệu Tứ Phối (tức bốn truyền nhân xuất sắc nhất của Khổng Tử). Tương truyền ông là người trước thuật các sách Đại Học, Hiếu Kinh. Sách chỉ nói ông là hậu duệ của vua Hạ Vũ, vốn có họ là Tự, nhưng không giải thích vì sao đến đời cha ông lại có họ là Tăng. Khi Khổng Tử mất, ông là người kế thừa mỗi đạo, cháu nội của Khổng Tử là Khổng Cấp cũng theo học với ông. Ông nổi tiếng với câu nói: “*Mỗi ngày ta tự xét mình ba việc: Nhận lời làm giúp người ta việc gì có thật tình làm hay không? Cùng với bạn bè giao ước điều gì, có thất tín hay không? Thầy dạy ta những gì, ta có nghiên cứu học tập hay không?*” Điều này được Nho gia gọi là “*Tăng Tử tam tỉnh*” (ba điều phản tỉnh của Tăng Tử).

chẳng cung kính. Đối với những người như vậy, nên nhận định họ do nghe pháp sẽ cảm ứng quả báo thăng, đọa như thế nào? (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Ông X... nghiên cứu chưa chắc đã rất sâu. Người thật sự hiểu sâu xa, ắt sẽ khởi lòng tin, đâu đến nỗi quy y ngoại đạo! Nếu chẳng chân thật thì chẳng đáng gọi là Phật tử thật sự. Người như thế trọn chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp, thứ gì cũng chẳng đạt được, những thứ khác chẳng cần phải rườm rà bàn định nữa!

* Hỏi: Trí Giả đại sư hiện thân phàm phu, cố sao biết Ngài là Phật Thích Ca hóa thân? (*Hà Vĩnh Đình hỏi*)

Đáp: Do Ngài đức hạnh lẫn học vấn đều cao, nên đề cao Ngài như vậy.

* Hỏi: Nghe nói người tin kinh Kim Cang, muốn đọc tụng thì nhất định phải ăn chay. Nếu là kẻ chẳng ăn chay, chẳng thể đọc tụng. Lời ấy có thật hay không? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Tụng kinh quý ở chỗ tam nghiệp thanh tịnh. Không ăn chay vẫn tụng kinh được, nhưng nếu thiếu lòng thành kính thì hiệu quả rất bé!

* Hỏi: Trong Phật học, giải thích Mộng như thế nào? Mộng cảnh có báo trước cát, hung, họa, phước, hoặc điều gì khác hay không? (*Hoàng Hòe Đình hỏi*)

Đáp: Mộng thuộc về huyền cảnh của tâm thức hay nghiệp, cho nên cũng có lúc tương ứng với cát và hung.

* Hỏi: Hiện thời các bà cụ được gọi là "hâm mộ hội Long Hoa" thường tụng niệm những kinh như Khổ Cứu Kinh, Thái Dương Kinh, Thái Âm Kinh, Diệu Sa Kinh, Nhân Quang Kinh, Thọ Sanh Kinh v.v..., những kinh ấy do Phật nói, hay là kinh của ngoại đạo? Kính xin lão cư sĩ chỉ rõ! (*Lý Vinh Đường hỏi*)

Đáp: Những kinh ấy đều do kẻ hiểu sự, vô tri làm càn, bịa đặt, giả danh. Những bà cụ thất học, thiếu hiểu biết dễ đi vào ngõ rẽ, chẳng có chi là lạ!

* Hỏi: Tướng Mạng Học có liên quan với Phật học hay không? Hay là một thứ bí pháp khác hẳn? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Nhà Phật gọi chuyện theo đuổi công việc xem tướng, đoán lành dữ để sống là tà mạng. Tứ chúng đệ tử, đều chẳng nên làm, bởi sẽ dính dáng vào đường mê, trái nghịch chánh giác.

* Hỏi: Tín đồ Phật giáo trước khi ăn chấp tay cung kính, nên quán tưởng như thế nào? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Tận hư không đều là Tam Bảo, khắp pháp giới vô lượng chúng sanh. Quán như thế, cúng dường như thế.

* Hỏi: Chỉ tụng kinh, không hiểu ý nghĩa trong ấy thì có lợi ích hay không? (*Tiêu Kim Vinh hỏi*)

Đáp: Tụng kinh và nghiên cứu kinh đều có lợi ích. Nghiên cứu kinh có thể khai trí huệ, tụng kinh có thể đắc Định.

* Hỏi: Thân con kiến bé như thế, nhưng bốn tánh của nó có giống hệt như chúng sanh trong chín pháp giới, hay là có giảm thiểu? (*Vương Huệ Hương hỏi*)

Đáp: Một vốc nước và một ao nước có cùng tánh ướt, trọn chẳng sai khác. Chỉ có nước trong một vốc và một ao là khác biệt về số lượng mà thôi!

* Hỏi: Có thể lập thân xử thế viên mãn trên mọi phương diện là do thông minh hay do trí huệ? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Nói theo pháp thế gian thì chẳng khác biệt gì, nói miễn cưỡng thì trí huệ giống như Thế, thông minh giống như Dụng mà thôi.

* Hỏi: Hiểu rõ nhân quả, chẳng có vọng tưởng nào có thể sanh, chẳng có phiền não có thể khởi, có phải là chứng trí huệ hay không? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Nói theo pháp xuất thế gian, có thể nói là tác dụng của trí huệ.

* Hỏi: Giới hạn giữa thông minh và trí huệ là như thế nào? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Trước là xét theo pháp thể gian thì hai chữ ấy (thông minh và trí huệ) thường dùng lẫn lộn, chẳng phân biệt, sau là nói theo pháp xuất thế gian thì hai chữ ấy cũng thường được dùng chẳng phân biệt! Nếu phải xét đến giới hạn thì quý vị có thể nghe, có thể nhận biết không lầm, bèn gọi là Thông; mắt thấy có thể nhận biết không sai chạy bèn gọi là Minh. Thông đạt chuyện hữu vi, có thể quyết đoán thì gọi là Trí; thông đạt lý Không vô vi, an nhàn nơi pháp thì gọi là Huệ.

* Hỏi: Làm thế nào để ngộ duyên sanh pháp (pháp sanh bởi các duyên)? (*Lâm Thánh Côn hỏi*)

Đáp: Hiểu rõ giáo tướng, hoặc là hành hạnh Bát Nhã, sẽ ngộ!

* Hỏi: Vì sao chấp trước là khổ? (*Dương Thiên Nguyên hỏi*)

Đáp: Chấp trước là cảnh mê hoặc, chướng ngại; viên dung là cảnh trí chiếu giải thoát. Đây là vấn đề học hỏi và công phu, hàng sơ cơ chẳng thể hiểu rõ. Nếu tưởng lầm, sẽ thành ma cảnh. Khi hàng sơ chưa hiểu rõ giáo tướng, chỉ nên y giáo phụng hành, chớ nên lạm dự đàm huyền thuyết diệu!

* Hỏi: Đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, chân lý trong ấy là một hay là hai? (*Trí Dẫn hỏi*)

Đáp: Ở đây, lấy cái thân của một cá nhân để nói thì phía trên là đầu, đầu lại chia ra mắt, tai, mũi, miệng v.v... Phần giữa gọi là thân, thân lại chia thành vú, eo, lưng v.v.... Bốn phần ngoài thân gọi là tứ chi, tứ chi lại phân thành tay, chân, ngón tay, lòng bàn tay v.v... Ở bên trong gọi là tạng, tạng lại chia thành tim, gan, lá lách, phổi v.v... Thử hỏi đây là một nghĩa hay là nhiều nghĩa? Chân lý Phật pháp nơi tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng giống như vậy.

* Hỏi: Kinh dạy: “Chẳng sanh diệt”. Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt? (*Tiêu Thiệu Hình hỏi*)

Đáp: Chỉ có Chân Như.

* Hỏi: Đối với Ngũ Nhãn của Như Lai thì nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn là như thế nào? (*Tiêu Thiệu Hình hỏi*)

Đáp: Nhục nhãn dễ bị ngăn ngại sẽ chẳng thể thấy. Thiên nhãn xa, gần, sáng, tối đều không trở ngại. Hai loại mắt này được dùng trong hiện thực. Huệ nhãn có thể quán lý Chân Không. Pháp nhãn có thể thấu hiểu duyên do của giả tướng. Hai loại mắt này là dùng trí để nhận biết. Phật nhãn thì có thể dùng đờn độc hay dùng lẫn với các loại mắt khác, không gì chẳng thể.

* Hỏi: Kiến Hoặc dễ đoạn, Tư Hoặc khó đoạn, trừ phát tâm hổ thẹn ra, còn có cách nào khiến cho Tư Hoặc dễ đoạn trừ hay chẳng? (*Cổ Canh Đồng hỏi*)

Đáp: Tư Hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi. Tu Tứ Đế, quán mười hai nhân duyên, hành Lục Độ, đều có thể đoạn [Tư Hoặc]. Người tham Thiền đoạn ngay hai thứ Hoặc này. Người tu Tịnh cũng đoạn hai thứ Hoặc này. Nhưng tham Thiền ắt phải đoạn Hoặc thì mới có thành tựu; người tu Tịnh dẫu chẳng đoạn, vẫn có thể đối nghiệp vãng sanh!

* Hỏi: Đâu Suất Thiên chẳng ra ngoài tam giới, ắt chẳng tránh khỏi thành, trụ, hoại, không, [cõi trời ấy] có phải là rất ráo hay không? (*Cao Thiêm Đình hỏi*)

Đáp: Đã có thành, trụ, hoại, không thì là pháp vô thường. Rất ráo là Thường Tịch Quang bất sanh bất diệt.

* Hỏi: Hiện nay, Phật Thích Ca có đang thuyết pháp hay không? Ở nơi đâu? (*Quách Gia Ninh hỏi*)

Đáp: Tận hư không trọn pháp giới, thuyết pháp khắp nơi. Pháp Thân thuyết pháp thì bậc trí biết. Nếu là Báo Thân và Ứng Thân thuyết pháp thì người hữu duyên sẽ gặp.

* Hỏi: Lúc mới đản sanh, Thích Ca Phật nói: "*Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn*", chữ Ngã trong ấy chỉ Phật Tánh, hay nói đến cái Ta thông tục? (*Quách Gia Ninh hỏi*)

Đáp: Tôi nghĩ cách nói thứ nhất là viên dung. Bất quá, chữ Ngã thốt từ miệng đức Thế Tôn thì hiểu theo cả hai cách đều được, chẳng cần khởi lên phân biệt.

* Hỏi: Chúng sanh đều có Phật tánh, tánh có tùy thuộc hình trạng mà lớn hoặc nhỏ hay chẳng? Nếu là không, nên hình dung như thế nào? (*Lý Học Thi hỏi*)

Đáp: Ngài²¹[22] có ý niệm hay chẳng? Nếu không có ý niệm, cứ sao ở trong nhà, nhắm mắt suy tư, cao thì có thể biết mặt trời, mặt trăng, tinh tú trên trời; xa thì có thể biết được núi, sông bên Đại Lục. Nếu có ý niệm thì ý niệm có hình trạng lớn, nhỏ, vuông, tròn ra sao, xin rộng lòng chỉ giáo. Phật tánh là Thể của niệm, niệm là tác dụng của Phật tánh sau khi mê. Dụng còn chưa thể nói được thì Thể càng phải tự tham cứu!

* Hỏi: Đã là pháp pháp bình đẳng, cứ sao Phổ Hiền Bồ Tát nói: "*Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng*"? (*Dương Đức Vinh hỏi*)

Đáp: Pháp pháp bình đẳng là nói theo Lý; pháp cúng dường tối thắng là nói theo mặt Sự.

* Hỏi: Chân tâm sanh ra vạn pháp, nên chân tâm là Thượng Đế trong Phật giáo, pháp sư Đạo An bảo nói như vậy chẳng đúng, rốt cuộc là như thế nào? (*Dương Đức Vinh hỏi*)

Đáp: Đối với hai câu "*tâm sanh ra vạn pháp*" và "*tâm là Thượng Đế trong Phật giáo*", không biết câu bị pháp sư Đạo An quở trách là câu trên hay câu dưới, lời lẽ và ý nghĩa đều chẳng rõ ràng, không dám đáp bừa. Nhưng luận định về câu thứ hai, dường như cư sĩ thừa nhận "có thể sanh" là Thượng Đế thì chỉ riêng cách nhìn như vậy đã đáng ăn một trăm gậy của pháp sư rồi!

* Hỏi: Do Trung Đạo Luận nói "*phi thiện, phi ác, phi không, phi hữu*"; thiên đường há chẳng phải là địa ngục. Nếu vậy, còn tu gì nữa? (*Trương Cung hỏi*)

Đáp: Thiện là thiện, ác là ác, không là không, có là có, thiên đường là thiên đường, địa ngục là địa ngục, sự tướng phân minh, sao có thể nói ba chữ "há chẳng phải", nói như vậy tức là điên đảo rồi! Phải biết chữ Phi trong "thiện, ác, không, hữu" chẳng thể hiểu là "há chẳng phải"! Cảnh giới phạm phu suy nghĩ không ra ngoài hai đường thiện ác, nhìn chẳng thể vượt ngoài

²¹[22] Nguyên văn là Đài Doan, chữ này vốn là chữ dùng để gọi chức quan Thị Ngự Sử đời Đường. Phạm những chuyện liên quan đến Ngự Sử Đài đều do quan Thị Ngự Sử lo liệu nên gọi là Đài Doan. Về sau, chữ Đài Doan được dùng như một từ ngữ tỏ lòng kính trọng hoặc gọi người khác một cách văn vẻ.

hai bên Có và Không, quả báo chẳng ngoài hai thái cực Thiên Đường và Địa Ngục. Thử hỏi: Suy nghĩ chẳng thuộc thiện, ác, nhìn chẳng vướng vào Có và Không, quả báo chẳng ở trong cõi trời, địa ngục, sáu đường, đó là cảnh giới gì? Đây là diệu nghĩa của chữ Phi, đừng hiểu lầm!

* Hỏi: Chẳng nương theo thầy, chẳng thọ giới, nếu ngày nào đó đốn ngộ, có thể thành Phật hay chẳng? (*Trương Cung hỏi*)

Đáp: Có bậc Độc Giác là như vậy, nhưng giác ngộ trong đời này cũng do nhiều đời tu hành mà ra; hiện tại, trong vạn vạn người, khó gặp được một người. Phật thì cũng có Tạng Đầu và Viên Mãn^{22[23]} khác biệt. Ngộ có đến mấy loại khác biệt, hết sức phức tạp!

* Hỏi: Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh giảng về Hạ Phẩm Hạ Sanh có câu: "*Ngũ Nghịch, Thập Ác*". Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, nhưng chư Phật, A La Hán là Pháp Thân, đao, búa chẳng thể tổn thương, làm sao phàm phu có thể giết được! Điều này khó thể hiểu rõ ràng! (*Lý Vinh Đường hỏi*)

Đáp: Phật có các thân Pháp, Báo, Ứng Hóa. Hai thân Pháp và Báo phàm phu chẳng thể trông thấy, huống là gây tổn hại. Ứng Thân như thân đức Thích Ca Thế Tôn thưở Ngài tại thế, Hóa Thân như tượng gỗ khắc, đất nặn, đồng đúc, vẽ trên giấy v.v.... thì đều có thể [tổn hại].

* Hỏi: Viên Mai^{23[24]} đời Thanh nói: Kinh Lăng Nghiêm áng chừng là do người đời Lục Triều^{24[25]} ngụy tạo, "*Tây Vực chẳng hề có kinh ấy*" (coi

^{22[23]} Tạng Đầu Phật: Quả vị Phật trong Tạng Giáo. Viên Mãn Phật: Quả vị Phật trong Viên Giáo.

^{23[24]} Viên Mai (1716-1797), tự Tử Tài, hiệu Giản Trai, biệt hiệu Tùy Viên Lão Nhân, là một thi nhân và văn sĩ đời Thanh, người xứ Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, từng làm tri huyện Giang Ninh, và là một trong tám đại gia về thể loại Biên Văn đời Thanh. Trước tác có Tiểu Thương Sơn Phòng Văn Tập, Tùy Viên Thi Thoại, Tử Bất Ngữ, Thái Muội Văn. Viên Mai thích sưu tập những câu chuyện cũ, kỳ dị, viết thành bộ Tử Bất Ngữ, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỳ Hiểu Lam. Ông ta thích luận bàn về đạo Phật, nhưng không hiểu đến nơi đến chốn nên có những dị thuyết rất lạ lùng, chẳng hạn bảo Lăng Nghiêm do người đời Lục Triều bịa ra, nhưng chẳng nêu được một chứng cứ khả tín nào. Ông cũng rất thích ăn uống, nên đã sưu tập mọi công thức chế biến món ngon vật lạ thời ấy, viết thành cuốn Tùy Viên Thực Đơn. Cuốn Thực Đơn ấy cũng được dịch sang tiếng Nhật.

^{24[25]} Lục Triều là sáu triều đại liên tiếp trong lịch sử Trung Hoa, có hai cách hiểu:

1. Đông Ngô (do Tôn Quyền sáng lập), Đông Tấn (hậu duệ của nhà Tây Tấn, được kể từ lúc Tư Mã Duệ làm vua), Tống (do Lưu Dụ sáng lập, khác với nhà Đại Tống hoặc Triệu Tống sau này của Triệu Khuông Dẩn), Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Lương (do Tiêu Diễn sáng lập), Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập). Sáu triều đại này lần lượt đóng đô tại Kiến Khang (Nam Kinh). Đây là cách hiểu của Hứa Tung trong bộ Kiến Khang Thực Lục.

trong thư gửi Trình Miên Trang trong phần Xích Độc (thư từ) của bộ Tiểu Thương Sơn Phòng). Làm thế nào để bác bỏ thuyết của họ Viên? (*Trầm Chung Ngũ hỏi*)

Đáp: Viên Tử Tài chỉ là một nhà văn học mà thôi! Đối với Phật học và khảo cứ (khảo sát, đưa ra chứng cứ) đều là kẻ lơ mơ, lời ông ta nói chẳng đáng bận tâm. Nhưng biện định kinh ấy là chân hay ngụy, trong Phật môn đã có lắm người, đến nay vẫn tranh cãi chẳng ngớt, há có nên coi thường bệnh tật trong tạng phủ để chuyên hỏi đến những thứ ghê chốc [ngoài da] ư?

* Hỏi: Tôi cảm nhận một đời này chỉ là một đoạn nhân duyên nhỏ trong đại sanh mạng vô thi vô chung mà thôi. Lúc có thân này, vốn chẳng thể coi là sống, mà lúc thân này diệt, cũng không thể coi là chết. Đúng hay không? (*Huyền Âm hỏi*)

Đáp: Đúng như vậy; đúng như thế. Thiền sư Nga Đầu thị tịch đã nói kệ: "*Tích bốn bất sanh, kim diệt bất diệt. Vân tán trường không, bích thiên hạ nguyệt*" (Xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Mây tan giữa lưng, trăng ngời trời biếc) chính là ý này! Nhưng một đoạn tiểu nhân duyên này quả thật có thánh phàm khác biệt! Nơi bậc thánh là tùy duyên ứng hiện; nơi phàm nhân thì do nghiệp lực lôi dẫn. Một đặng là tự tại, một đặng là trói buộc. Bọn phàm phu chúng ta hãy nên tận hết sức thoát khỏi trói buộc, cầu được tự tại. Chớ nên mơ màng, mờ mịt, khư khư phô trương những lời lẽ khoáng đạt.

* Hỏi: Anh tôi là Trí Huyền (hiện đang ở Đại Lục), dốc chí siêng năng niệm Phật, hằng ngày chẳng lìa thánh hiệu Di Đà, xem đọc nguyệt san Phật học, chợt nghe tin dữ Ấn Quang đại sư đã quy Tây, suốt ngày khóc lóc, buông bỏ Di Đà, khóc ngâm rằng: "*Thống hám sư chung văn giáo vãn, nguyệt san độc bãi lệ chiêm khâm*" (tiếc nuối nghe tin thầy mất trẻ, nguyệt san thôi đọc, áo lệ đầm). Người niệm Phật đối với chuyện người đã mất cũng khóc lóc, chẳng thể thấy thấu suốt, có ý nghĩa như thế nào vậy? (*Trác Trung Chấn hỏi*)

Đáp: Chúng sanh thức chưa chuyển, tình chưa hết, nghe cha, mẹ, sư trưởng qua đời, mà chẳng đau lòng, nhức óc, chắc chắn là hạng đại gian ác.

2. Đông Ngụy (do Tào Phi sáng lập), Tấn (do Tư Mã Viêm sáng lập), Tống, Tề, Lương, Trần. Đây là cách hiểu của sách Tư Trị Thông Giám (do Tư Mã Quang soạn).

Thử hỏi đã thấy thấu suốt chuyện này, nhưng ngũ dục, lục trần đã thấy thấu suốt hay chưa? Có còn tham nhiễm hay không?

* Hỏi: Nghe tiếng chuông trống, niệm Phật trong tự viện, dấy lòng ngưỡng mộ, khôn ngăn lệ trào, toan tìm hãm lòng xót xa, nhưng đâm ra càng thêm sốt mướt, có phải là nghiệp chướng sâu rộng hay chăng? (*Ông Đức Hòa hỏi*)

Đáp: Ngưỡng mộ cùng cực sẽ sanh lòng yêu kính, yêu kính tột bậc sẽ sanh luyến mộ. Luyến mộ cùng cực ắt sanh lòng cảm kích, cảm kích đến mức không biết làm sao, nước mắt từ trong bầu trời chân tánh sẽ trào ra. Đó là lòng chân thành mộ đạo của kẻ sơ học, chẳng phải là nghiệp chướng!

* Ngài Tân Đầu Lô Phả La Đọa vì hiện thần thông lấy bát nên bị đức Phật quả trách chẳng cho nhập diệt^{25[26]}, lưu thân lại cho người đời sau cúng dường, nhưng chưa nghe nói ai trông thấy thân thể Ngài, có phải Ngài thuộc về Vô Sắc Giới? (*Lâu Vĩnh Dự hỏi*)

Đáp: Ẩn mình nơi vắng vẻ, sâu thẳm, làm sao con người thấy được? Bậc ẩn sĩ thời cổ, người đời còn chưa biết họ mất lúc nào. Hiểu rõ lẽ này, chẳng cần phải lăm chuyện truy xét là hữu sắc hay vô sắc!

* Hỏi: Nếu phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn, cơ sao còn chia trí, ngu, ngộ, mê sai khác? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Hàng sơ cơ chẳng dễ gì liễu giải câu hỏi này. Giảng càng tường tận, người nghe càng thăm thía. Trước hết, chỉ lấy hai món Lý và Hạnh để giải thích. Khi mê bốn tánh, bèn là phiền não, bèn có sanh tử. Khi ngộ bốn tánh tức là Bồ Đề, bèn đắc Niết Bàn; nhưng mê hay ngộ đều cùng một tánh, cho nên nói: "*Phiền não sanh tử chính là Bồ Đề Niết Bàn*". Nếu dùng biển làm tỷ dụ, lúc tĩnh gọi là nước, khi động gọi là sóng; nhưng động và tĩnh chẳng phải hai vật; đây là nói theo Lý. Nếu hiểu tánh là một, mà phân ra mê ngộ, vật là một mà chia ra động và tĩnh, lẽ nào còn nghi? "Tức" là nói theo Lý Thể, "phân" là nói theo sự tướng. Hơn nữa, kẻ chưa phát đại tâm thấy sanh tử như oan gia, mê đắm cảnh vui Niết Bàn. Người đã phát đại

^{25[26]} Theo kinh Trường A Hàm, có lần một vị trưởng giả của thành Vương Xá đã đặt một cái bát bằng gỗ trầm trên sào rất cao, thách thức có vị thánh nhân nào có thể lấy xuống được, ngài Tân Đầu Lô dùng thần thông bay lên đoạt lấy bát trầm ấy, được quần chúng tán thưởng vang dội. Đức Phật quả trách Ngài đã lạm dụng thần thông để làm chuyện vô ích nên cấm Ngài không được nhập diệt mà phải trụ thế làm phước điền cho chúng sanh cho đến khi Di Lạc Phật ra đời.

tâm, vì độ vô lượng chúng sanh, mà chẳng ham Niết Bàn, cam tâm vào sanh tử, thấy các phiền não đều là Bồ Đề. Vì thế nói Tức, đây là nói theo Hạnh vậy!

* Hỏi: Thế giới Sa Bà thành, trụ, hoại, không ba lượt bèn gọi là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trước hoặc sau tam kiếp ấy, có thể nói là “thế giới này là chẳng có” hay chẳng? Như thế thì vô lượng vô biên kiếp có phải là nói về thế giới phương khác hay vẫn ở trong thế giới này? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Bốn danh xưng Trung Kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không chẳng hạn cuộc trong Sa Bà. Ba A-tăng-kỳ kiếp lại là một danh từ toán số khác. Nhưng đo lường, cân đong, mỗi thứ có pháp tắc tính toán riêng, đây là lời đáp cho ba câu đầu. Đối với đoạn sau, chỉ dùng tỷ dụ giả thiết để giảng rõ: Một ngày đêm có hai mươi bốn giờ, gió to không ngừng thổi, nước biển trào sóng, con sóng này tan, con sóng kia dâng lên, đột nhiên cuộn cuộn chảy về phía Đông, sau đấy lại ào ào rút về Tây, trong khoảng thời gian hai mươi bốn giờ ấy, xin hỏi là thời gian sóng đánh về phía Đông hay là thời gian sóng dạt về phía Tây? Là thời gian của một con sóng, hay thời gian của nhiều con sóng?

* Hỏi: Những hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, sao băng v.v... trên bầu trời, cũng như các nhà thiên văn có thể dự đoán thời gian xảy ra nhật thực, hay nguyệt thực, theo vũ trụ quan Phật pháp nên giải thích như thế nào? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Nhân duyên khiến đức Phật xuất thế, chẳng vì những chuyện vụn vặt này; dẫu có ai hỏi thì chẳng qua do tùy duyên mà dạy bảo đó thôi! Vì thế, trong kinh đối với những chuyện này, trọn chẳng chuyên bàn tới. Trong trước thuật của xứ Chấn Đán (Trung Hoa) có sách Pháp Uyển Châu Lâm từng phân môn, chia loại, tạp ký khá nhiều, có ghi chép chuyện này. Nhưng đối với chuyện này, có câu là tùy thuận mà nói, có câu phương tiện mà nói, nói trừu tượng, nói một phần, cần phải có tầm nhìn linh động; nếu câu nệ, sẽ lại lọt vào nghi thành!

* Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Bất tri thân tâm ngoại kịp sơn hà hư không đại địa giai diệu minh chân tâm trung vật*” (Chẳng biết ngoài thân tâm ra, cho đến núi, sông, đại địa, đều là vật ở trong diệu minh chân tâm), đây có phải là hàm ý “tâm và vật giống hệt như nhau”? Nếu đúng như vậy, do nương vào pháp pháp bình đẳng, lẽ ra chúng ta lưu chuyển sẽ chẳng giới hạn trong lục đạo hữu tình, mà cũng phải nên lưu chuyển trong các loài vô

tình như thực vật, khoáng vật v.v... Như vậy thì mới có thể nói là “sắc tâm bình đẳng”? (Hỗ Chánh Lâm hỏi)

Đáp: Câu hỏi này nên chia ra để nói. Điều vừa được kinh nhắc tới chỉ là nói “vạn pháp đều do tâm hiện”. Nếu tâm chẳng hiện, làm sao có thể biết được? Phạm vi [diễn đạt] của ngôn ngữ chỉ có như vậy mà thôi! Tâm và vật như nhau, theo Lý có thể nói như vậy, nhưng mỗi sự có giới hạn riêng. Ví như mẹ và con xét về Lý là cùng một Thể, nhưng xét theo Sự thì mẹ chính là mẹ, con chính là con. Nếu cứ chấp “mẹ và con xét theo Lý là một” thì cha có thể chỉ con bảo là vợ hay chẳng? Còn nói “lưu chuyển chẳng hạn cuộc trong hữu tình” thì cũng chưa hề chẳng có chuyện ấy. Nhưng mạng của chúng sanh phần nhiều do nương vào sự dâm dục của loài hữu tình mà có, nên lưu chuyển trong sáu đường là chuyện thường; thần thức có lúc tiếp xúc khoáng vật, thực vật, nhưng khoáng vật và thực vật trọn chẳng giao cấu, nên cũng chẳng có cơ hội nhập thai! Nếu nói tới si mị võng lượng^{26[27]} cũng có thể giao cảm, cử động, chẳng qua là chuyện ngẫu nhiên, hoặc do quý thần dựa vào, hoặc do vật lâu đời trở thành yêu quái. Nói chung, chẳng thấy gỗ đá ở mọi nơi đều có thể nói năng, cử động. Người đọc sách nên khéo hiểu nghĩa ấy, đừng chấp vào từ ngữ để rồi sai lầm!

* Hỏi: Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu chúng ta vãng sanh Tây Phương thế giới, bản thân đức Thế Tôn sanh trong thế giới nào? Cớ sao đức Thế Tôn chẳng tạo một thế giới [của riêng mình]? (Bảo Châu hỏi)

Đáp: Thế giới vô tận đều do nghiệp lực của chúng sanh hiện ra, không thiếu khuyết, cần gì đức Thích Ca phải tạo nữa? Đức Di Đà tạo thế giới bất quá do thương xót chúng sanh nghiệp hạnh xen tạp, thế giới lắm nỗi khổ, nên tạo ra một thế giới chỉ sướng chẳng khổ, hồng tiếp dẫn chúng sanh trong các cõi khác. Chúng sanh sanh về đó, đều do vâng lời giáo huấn của Thích Ca Thế Tôn mà chuyển nghiệp. Kẻ chẳng chuyển nghiệp cũng chẳng có phần sanh [về đó], nhưng vẫn có thể nói là “do nghiệp lực của chúng sanh nghiệp lực cảm vời”. Thích Tôn từng dùng chân nhấn xuống đất, [cõi Sa Bà] lập tức biến thành trang nghiêm. Do liên quan đến nghiệp lực của chúng sanh, nên chẳng thể giữ [sự trang nghiêm ấy] lâu dài được! Hiểu điều này, liền biết tịnh hay uế là do tâm và nghiệp của chúng sanh. Dầu Thích Tôn biến hết vô biên thế giới thành Cực Lạc, chúng sanh ác nghiệp vẫn thấy là uế độ! Giống như cùng nhìn vào nước, mà trời, người, quỷ, rồng

^{26[27]} Si mị võng lượng là thành ngữ chỉ chung các loài yêu quái. Theo truyền thuyết, thời cổ loài quỷ quái trong núi sâu, rừng rậm thì gọi là Si và Mị, các loài tinh quái trong núi sông, cây cối thì gọi là Võng, các loài yêu tinh ẩn nấp trong chốn tối tăm để trêu ghẹo hại người thì gọi là Lượng.

mỗi loài thấy khác biệt, [những điều vừa nói trên đây] cũng có cùng một lẽ ấy!

* Hỏi: Tam giới chỉ gồm ba loại hữu sắc, vô sắc, và hữu dục niệm; hữu sắc và vô sắc là nói tới loài sanh vật nào? (*Liễu Tử Kỳ hỏi*)

Đáp: Chũ Dục là "nhiễm", nam, nữ, ăn uống. Chũ Sắc là diệu tướng trang nghiêm bậc thượng. Vô sắc là hai thứ ấy đều chẳng có!

* Hỏi: Nho giáo chẳng thể giải quyết vấn đề, cho nên chỉ có thể tiêu diệt vấn đề. Tôi cũng cảm thấy Nho giáo chỉ quẩn quanh trong lưới nghiệp lực, nhưng trong bộ Thông Sử của Lữ Tư Miển^{27[28]} có viết: "*Phật giáo dùng cách tiêu diệt xã hội để giải quyết xã hội*", cách nói này dường như có lý, như A Di Đà Phật phát nguyện muốn độ hết tất cả chúng sanh trong Đông Độ. Nếu chúng sanh đắc độ hết thì há chẳng phải là xã hội đã bị tiêu diệt ư? Bất quá là sau khi xã hội bị tiêu diệt, tất cả chúng sanh có thể đến cõi Cực Lạc, đương nhiên là tốt đẹp hơn xã hội trong ba cõi như nhà lửa này, nhưng chúng sanh sẽ có ngày được độ hết hay chẳng? Tệ ý cho rằng A Di Đà Phật tâm cứu người tha thiết nên phát nguyện to lớn như vậy! (*Liễu Tử Kỳ hỏi*)

Đáp: Tôi chẳng hiểu ý câu nói "*dùng cách tiêu diệt xã hội để giải quyết xã hội*" của ông Lữ. Có khác nào gắp người mắc bệnh, không có cách nào chữa trị bèn giết phút cho xong? Đây đúng là "*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*". Xã hội vốn yên lành, sao lại nói là giải quyết? Cần phải giải quyết chính là sự tranh chấp! Luật nhà Phật ngoài là cấm giết, trộm, dâm, trong là ngăn tham, sân, si. Đấy chẳng phải là đạo để giải quyết vấn đề từ căn bản ư? Không chỉ trang nghiêm cõi người, thậm chí còn trang nghiêm địa ngục, đấy chẳng phải là kiến thiết xã hội triệt để ư? Chẳng nghiên cứu sách của nhà nào, tự mình sẽ chẳng thể bàn chuyện nhà đó. Còn như cư sĩ nghi "chúng sanh đều sanh về Cực Lạc thì xã hội này sẽ tiêu diệt", [tức là] chẳng biết vãng sanh là cái quả quy kết của thần thức; trước đó, [người vãng sanh ấy] cũng phải dùng cái thân để tạo thiện nhân ở nơi đây (cõi Sa Bà). Tu cái nhân ấy, trước lúc thần thức về xã hội bên kia, thân đã trang nghiêm xã hội này trước. Cổ nhân nói: Một làng giữ Ngũ Giới, làng ấy bình trị; cho đến cả nước giữ Ngũ Giới thì cả nước bình trị. Hãy nên suy

^{27[28]} Lữ Tư Miển (1884-1957), tự Thành Chu, bút danh Nô Ngưu, quê ở huyện Vũ Tán, tỉnh Giang Tô, từng dạy đại học Quang Hoa tại Thượng Hải, chủ nhiệm bộ môn lịch sử. Thông Sử chính là bộ Lữ Trước Trung Quốc Thông Sử của ông Lữ.

ngĩ sâu xa! Đây cũng chỉ là nói một khía cạnh mà thôi. Nếu nói theo ý nghĩa viên mãn, sẽ rất rườm rà!

* Hỏi: Theo luận thuyết tiến hóa, “con người tiến hóa từ loài khỉ”, và như Thiên Chúa Giáo nói “con người do Thượng Đế tạo ra”, cố nhiên là luận thuyết hoang đường, sai lạc tột bậc, chẳng đáng một trận cười! Nhưng trong Nguyên Nhân Luận của Phật giáo có nói: “...*Tổ tiên của con người từ Phước Sanh Thiên mà đến, đã nếm những thứ mọc trên mặt đất, bèn vướng mắc nơi đất*”. Xin hỏi vì sao chư thiên giáng lâm cõi này, lại chẳng trở về được? Thuyết của Nguyên Nhân Luận^{28[29]} có phải là căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm để lập luận hay chẳng? (Hậu học chưa đọc kinh Hoa Nghiêm) (*Chân Tâm Quý hỏi*)

Đáp: Lục đạo lần lượt luân chuyển. Giáng lâm cõi này, có gì là lạ? Cố nhiên, Nguyên Nhân Luận căn cứ trên Hoa Nghiêm. Điều cần phải nên biết là bất cứ thế giới nào cũng đều có Thành, Trụ, Hoại, Không. Cần nên biết rằng: Điều được nói trong luận ấy bất quá là một giai đoạn nào đó trong các số kiếp nhiều như vi trần mà thôi!

* Hỏi: Hư không vô lượng vô biên, đức Phật nói trăm ức mặt trời, mặt trăng, đầy cũng chẳng qua là nói tới một phần trong vô lượng vô biên, trọn chẳng phải là cực hạn, đúng không? Lại nữa, số lượng bao nhiêu là do tâm phân biệt hư vọng của con người sanh ra, chứ thật sự thì “*hết thảy vào một, một vào hết thảy*”. Có kẻ hoài nghi chúng sanh vô số, chư Phật, Bồ Tát cũng vô số, rốt cuộc là chư Phật, Bồ Tát nhiều hơn, hay là chúng sanh nhiều hơn? Thật ra, đã nói là vô số, sẽ chẳng thể phân biệt nhiều hay ít, như đức Phật nói Pháp Thân của Phật trọn khắp hết thảy mọi nơi, Phật có thể hóa thân ngàn trăm vạn ức phân thân trong các cõi nước nhiều như vi trần để cứu độ chúng sanh, há có phải là dùng con số bao nhiêu để hạn định? Vì thế, bất đắc dĩ mà nói là vô lượng, vô biên. Nói tột cùng sẽ là chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả, há nào phải chỉ có Lý này chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả! Há có phải chỉ có Lý này là chẳng thể nói, mà hết thảy đều là chẳng thể nói! Hễ nói sẽ chẳng trúng, tướng hiện bèn cười, trong

^{28[29]} Nguyên Nhân Luận có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận, một quyển, do ngài Tông Mật soạn vào đời Đường. Luận này dựa trên tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm để luận định cội nguồn vũ trụ và con người, chủ yếu dùng luận thuyết Hoa Nghiêm để phá những kiến chấp “vạn vật do hư vô đại đạo sanh ra” hoặc do Thượng Đế sanh ra.

lòng vui vẻ, dường như sẽ gần với lẽ thật^{29[30]}, có phải hay chăng? (*Tân La hỏi*)

Đáp: Đúng như vậy, đúng như thế!

* Hỏi: Giới, Định, Huệ Tam Học nhà Phật và công phu “định, tĩnh, an, lạc” của Nho gia có giống nhau hay chăng? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Xét theo phương diện dụng công tu hành, có thể nói là nhìn chung thì giống nhau, [nhưng nếu xét theo phương diện] nhà Phật hiểu Huệ là như thế nào và ý chỉ đạt được [các thứ định, tĩnh, an, lạc] của Nho gia thì có sai khác!

* Kinh Kim Cang dạy: “*Hết thảy pháp chính là Phật pháp*”, trước lúc nghiên cứu Phật pháp, đọc đến câu này, tôi cảm thấy dường như thấu hiểu, nay thì đâm ra chẳng thấu hiểu, thông suốt! (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Hết thảy các pháp, có pháp nào chẳng phải là Phật pháp, ông hãy thử nói ra xem?

* Hỏi: Trong báo Bồ Đề Thọ số bốn mươi, trả lời câu hỏi thứ hai của cư sĩ Chân Tâm Quý, đã viết: “*Lâm chung phóng quang, nếu muốn xét coi người ấy có thoát tam giới hay không, thì xét nghiệm chỗ còn ấm sau cùng là đáng tin cậy nhất*”. Cách xét nghiệm hơi ấm là như thế nào? Xin dạy rõ! (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Trán: trời; ngực: người; bụng: súc sanh; đầu gối: ngựa quý; bàn chân: địa ngục. Cũng có thuyết bảo: Bụng là ngựa quý, đầu gối là súc sanh. Trong tay không có sách, nên chẳng nhớ vốn là như thế nào!

* Hỏi: Thầy thuốc chẩn bệnh, nếu lúc gặp phải trường hợp biết rõ chẳng thể trị được, có nên nói thẳng với bệnh nhân hay không? Nếu chẳng nói thẳng, mà nói lấp lửng, mơ hồ, có kết thành tội vọng ngữ hay chăng? (*Trầm Chung Ngũ hỏi*)

^{29[30]} Nguyên văn “*trương hiện nhi tiếu, mạc nghịch u tâm, thứ kỷ cận chi*”. Câu này sử dụng hai thành ngữ “*trương thị nhi tiếu, mạc nghịch u tâm*” (nhìn nhau cười, tâm đầu ý hợp). “*Mạc nghịch*” là đôi bên thuận thảo, hết sức hợp ý, hình dung bạn bè chơi với nhau thân thiết, chẳng hề có mâu thuẫn, kèn cựa nào. Thành ngữ này dựa theo một câu trong thiên Đại Tông Sư của Nam Hoa Kinh. “*Thứ kỷ*” là “gần như, dường như”. Từ ngữ này dựa theo câu nói trong sách Sử Ký, thiên Tần Thủy Hoàng Bản Kỷ: “*Quả nhân dĩ vi thiện, thứ kỷ tức binh cách*”, câu này được các nhà chú giải giảng là “quả nhân vì làm lành, gần như chấm dứt chiến tranh”.

Đáp: Không nói tức là chỉ giữ im lặng mà thôi, không thể nói là vọng ngữ.

* Hỏi: Theo thói tục, khi kính Phật, cầu Phật xét soi, nhận lấy vật cúng dường, có nên gieo sấp ngựa (xin keo) để coi thánh ý có chứng minh hay không? Mấy năm gần đây, tôi tới chùa Trúc Liên (Quán Âm Miếu) ở Tân Trúc, hướng về Phật, thần xin keo để hỏi về cưới gả, xây cất, an táng v.v... được ngày tốt rất nhiều. Lại còn mua một lá bùa ở miếu, dán vào nơi sẽ làm chuyện ấy, sẽ chẳng sợ bị thần sát thương con người rất linh nghiệm, dường như điều này cũng phù hợp Phật pháp đấy chẳng? Đệ tử Tam Bảo có nên làm như vậy hay không? (*Hà Vĩnh Định hỏi*)

Đáp: Đối trước Phật, vạn phần chớ nên giở những trò huyền hoặc, hư dối như xin keo v.v... Đệ tử Phật càng chớ nên xen tạp những thứ giống như vậy.

* Hỏi: Phật giáo chẳng đề xướng đốt giấy tiền, vàng mã, nhưng dân Đài Loan khi có người mất, cho đến bây giờ vẫn làm như thế này: Lập tức thỉnh Tăng đến nhà, lập đạo tràng, treo tượng Phật, làm công đức truy tiến, tuyên kinh, lễ sám, khai thông đường nẻo trong cõi âm, cúng dường Phật bằng thịt gia súc, lại còn cắt nhiều giấy màu, dán thành rương tiền, quỹ vàng, linh kiều (cầu độ vong), tố gái cho người chết, đặt lên là "Xuân Đào, Thu Cúc nhị tiên". Trong rương vàng, quỹ tiền đựng đầy tiền gởi kho [trong cõi âm], đồng loạt thiêu đi. Trong ma chay, có một nghi lễ gọi là Quá Kiều (qua cầu), Bá Công^{30[31]} dẫn người chết qua cầu vàng, cầu bạc v.v... Phía dưới cầu, đặt một cái đồng la (thanh la hay chiêm bằng đồng), bảo các con của người chết rải nhiều tiền (đồng tiền mới của Đài Loan) vào cái đồng la ấy, bảo: "Càng bỏ nhiều tiền, càng tiêu tai nhiều, Bá Công sẽ dẫn người chết vượt qua khỏi cầu ấy. Nếu không bỏ tiền, sẽ chẳng qua được cái ải này". Trong kinh Phật có chuyện như vậy hay chẳng? (*Hà Vĩnh Định hỏi*)

Đáp: Đây là thói mê tín ở địa phương, bịa đặt để gạt tiền. Những kẻ làm cái trò này tuy mặc ca-sa, nhưng thật sự chẳng phải là Tăng chúng, chớ nên hiểu lầm! Những điều ông đã nói đều chẳng dính dáng gì đến kinh Phật!

^{30[31]} Bá Công là một danh xưng của thần Thổ Địa. Người Hoa gọi thần Thổ Địa bằng nhiều danh xưng như Bá Công, Đại Bá Công, Phước Đức Chánh Thần, Phước Đức Lão Gia, Thổ Địa Công Công, Phước Đức Công, Thổ Địa Công, Thổ Địa Gia, Địa Chủ Công, Thổ Công, Phước Đức, Thổ Địa, Thổ Bá, Thổ Chánh, Địa Chủ, Xã Thần, Xã Công, Xã Quan, Hậu Thổ v.v...

* Hỏi: Học trò đọc, nghiên cứu sách Phật hết sức thú vị, càng đọc càng tham đọc nhiều hơn, điều này dường như đã phạm giới tham đó chăng? (*Hà Vĩnh Định hỏi*)

Đáp: Luyện đắm lục trần thì gọi là tham dục; siêng năng nghiên ngẫm kinh Phật là chánh tinh tấn, giới luật chẳng cấm đoán, lẽ nào phạm giới?

* Hỏi: Tôi có mấy pho tượng Phật cũ đã thờ trước kia, về căn bản là chẳng thể tặng cho người khác được. Giữ lại thì giữ đến bao giờ? Chẳng biết xử trí như thế nào? (*Lưu Phong Vân hỏi*)

Đáp: Cư sĩ đã tín phụng Phật giáo, đối với Tam Bảo, lẽ ra phải suốt đời thờ phụng. Nay đã manh nha cái tâm buông bỏ là do duyên cớ nào? Nếu thân mình là khách, ở nhờ nhà người khác, hoặc đang ở trong quân ngũ, có thể bị điều động bất ngờ thì có thể tạm gửi đến chùa Phật, cũng chẳng nhất định phải theo cách nào!

* Hỏi: Dâm là chuyện xấu hổ nhất trong nhân sinh quan; trong xã hội hiện thời, nam nữ luyện ái lẫn nhau có phải là dâm hay chăng? Có nên hay chăng? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Vợ chồng chung sống là một giếng mỗi lớn của con người, đó là chánh dâm, trọn chẳng trái pháp. [Luyện ái] ngoài vợ chồng ra thì gọi là tà dâm, pháp luật lẫn đạo đức đều chẳng chấp thuận.

* Hỏi: Làm thế nào để chịu đựng đau khổ? (*Diêu Thanh Nguyên hỏi*)

Đáp: Nghe nhiều Phật lý, hiểu sâu nhân quả; nhìn thấu suốt giả tướng, nhẫn lực sẽ tự sanh ra.

* Hỏi: Nếu một người bị tức oán ràng buộc, thân tâm sẽ có hiện tượng gì? (*Huệ Khang hỏi*)

Đáp: Mỗi người mỗi khác, chẳng thể nói đồng loạt được; nhưng chương ngại học Phật là nặng nề, quan trọng nhất. Những thứ cảnh giới thuận nghịch khác, họa phước không nhất định, nên chẳng thể nói nhất định tiêu chuẩn là như thế nào!

* Hỏi: Trong sáu thứ thần thông có Túc Mạng Thông và Lộ Tận Thông, tôi còn chưa hiểu chỗ này, xin chỉ dạy! (*Tiêu Huệ Tâm hỏi*)

Đáp: Thông hiểu sự sanh tử đến đi trong bao nhiêu đời thì gọi là Túc Mạng Thông. Phiền não đã hết, không còn rơi rớt luân hồi là Lộ Tận Thông.

* Hỏi: Người ăn chay có thể kết thành xá-lợi hay không? (*Hoàng Cẩm Lương hỏi*)

Đáp: Kinh dạy [xá-lợi] do Giới, Định, Huệ huân tập. Nếu chỉ ăn chay thì bất quá chỉ có một thứ là Giới, chưa hoàn toàn hội đủ điều kiện, sợ chẳng có tướng lành này! Ông chẳng thấy trong các tôn giáo khác cũng có nhiều người suốt đời ăn chay mà chẳng thấy có thành tựu ấy.

* Hỏi: Do đâu mà tín đồ [Phật giáo] ăn chay? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Phật cấm sát sanh, chủ trương ăn chay. Đây chính là nguyên do.

* Hỏi: Gần đây, Bất Huệ phát tâm ăn chay, giảm ác, hướng thiện, nay đã ăn chay gần hơn nửa năm, tinh thần vẫn như cũ, nhưng thể lực giảm sút rất lớn, thân thể hư nhược, không biết có phải do ăn chay gây nên hay không? (*Thái Vĩnh Đức hỏi*)

Đáp: Ăn thịt mạnh mẽ, ăn chay yếu ớt, đó là tâm lý thế tục. Nếu nói ăn chay khỏe mạnh, ít bệnh, giới y học bèn hoài nghi. Sự thật là như vậy, nay tôi nêu ra một thí dụ: Voi, lạc đà, trâu, ngựa chẳng ăn thịt mà sức của chúng đều mạnh, bất quá, hổ, báo, sài lang tánh hung tợn mà thôi! Tăng sĩ Thiếu Lâm Tự đều ăn chay, mà Dịch Cân, Tẩy Tủy, Kim Chung Tráo, Thiết Bổ Sam, quyền thuật, thiên hạ chẳng có ai địch lại, há còn dám chẳng tin ư?

* Hỏi: Em trai tôi cưới vợ, vẫn theo thói tục sát sanh, tôi thấy vậy đau lòng, nhưng trọn chẳng làm sao ngăn cản được! Mắt thấy giết chóc, chẳng biết là đối với việc này nên siêu độ bằng cách nào? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Niệm chú Vãng Sanh là được rồi, nhưng phải thành tâm.

* Hỏi: Có người hỏi tôi kẻ mổ lợn có thể quy y hay không? Nhưng ông ta quy y rồi vẫn phải giết lợn, như vậy thì có thể quy y hay chẳng? (*Trần Liên Sanh hỏi*)

Đáp: "*Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật*". Lẽ nào kẻ giết lợn chẳng thể quy y? Cầu quy y, trước tiên nên sám hối thì mới là chân tâm. Cố sao vẫn vung dao giết heo, tức là thiếu lòng sám hối, sợ chẳng thể đạt được lợi ích do quy y!

* Hỏi: Ăn cơm thường ăn nhằm canh thịt, hoặc nếm nhằm những món rau có lẫn thịt loài thú, có trở ngại gì chẳng? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Kẻ ăn lầm chẳng phạm giới, do vì vô tâm. Kẻ nếm thử tức là phạm lỗi. Nếu do hoàn cảnh bó buộc, ăn rau bên cạnh thịt lại là chuyện khác.

* Hỏi: Trong toa thuốc Bắc thích hợp với tình trạng bệnh tật, cần phải pha trộn thêm các loài côn trùng phơi khô như chuồn chuồn, xác ve v.v... tín đồ bị bệnh có thể dùng hay chẳng? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Lúc ắt phải dùng thì khi chế thuốc hãy quán tưởng, chẳng thể so sánh với chuyện do tham ăn [mà làm như vậy], chỉ niệm Phật hồi hướng cho chúng là được rồi. Nếu giết những động vật còn sống để làm thuốc, ắt vi phạm giới luật, do giết chúng để làm lợi mình, đánh mất Bồ Đề tâm vậy!

* Hỏi: Các chứng bệnh tật đều do vi khuẩn xâm nhập thân thể, nếu uống thuốc có phạm tội giết vi khuẩn hay chẳng? (*Thái Thế Phương hỏi*)

Đáp: Vi khuẩn là thực vật vô tình, giết không sao cả, huống là để trị bệnh ư?

* Hỏi: Kiến thuộc loại noãn sanh, các loài tiểu động vật thuộc loại noãn sanh chết rồi chẳng dễ sống lại, cố sao mạng kiến lại đặc biệt thù thắng, lạ quá! Xin dạy rõ! (*Nhan Phật Triệu hỏi*)

Đáp: Lời hỏi này dường như là chấp trước! Cư sĩ nói noãn sanh chẳng dễ sống lại; nếu sống lại bèn cho là quái dị. Nói như vậy chẳng phải là cho rằng [các động vật thuộc] ba lối sanh Thai, Thấp, Hóa chết đi vẫn thường sống lại đó sao? Nếu ba loài ấy chẳng thường thấy chết rồi sống lại, mà vẫn thường là chết rồi chẳng dễ gì sống lại, hễ chết là chết luôn, đó là chuyện thường; chết rồi sống lại là chuyện đôi khi [mới thấy].

* Hỏi: Đối với kiến và người, đều là có giác tánh, chẳng biết giết một con kiến hay giết một người, tội nào nặng hơn? (*Trịnh Nghĩa Lang hỏi*)

Đáp: Tánh mạng của chúng sanh bình đẳng. Chỉ có khởi tâm động niệm của người tạo sát nghiệp sai biệt rất nhiều! Đã có sai khác, tội quả sẽ chia thành nặng nhẹ. Cái tâm giết người so với cái tâm giết kiến hung ác gấp nhiều lần, cho nên tội to. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, ở đây tôi có thể nêu một thí dụ nhằm phân biệt rõ ràng: Người qua đường và cha mẹ trong nhà, cùng là người, nhưng thử hỏi cái tội giết cha mẹ và tội giết người qua đường có giống nhau hay chẳng?

* Hỏi: Cái gọi là vi khuẩn trong y học có phải là chúng sanh hay không? Là chúng sanh trong đường nào? Do nghiệp lực gì chuyển biến? Xin hãy chỉ dạy [những điều ấy] phát xuất từ kinh nào? Xin dẫn kinh làm chứng. (*Lâm Hỏa Thọ hỏi*)

Đáp: Các loài trong thế gian vật, chia làm ba loại lớn là động vật, thực vật, và khoáng vật. Động vật có tình thức, do nghiệp lực thông với cửu hữu (tam giới)^{31[32]}; thực vật và khoáng vật vô tình, chẳng tạo nghiệp lực đạo, chẳng phải thọ báo. Vi khuẩn thuộc loại hạ đẳng thực vật, là vật thể vô tình, chẳng xếp vào đường nào [trong lục đạo].

* Hỏi: Nếu người bị bệnh, uống thuốc ít thấy công hiệu, cần phải dùng toa thuốc sử dụng động vật mới lành bệnh (chẳng hạn như bệnh hoàng đả^{32[33]} phải ăn ốc, quáng gà phải ăn gan heo hay bò, hoặc dầu gan cá); nhưng nếu là người thọ giới lại dạy người ta ăn động vật để trị bệnh, ngôn hạnh rốt cuộc rớt vào ác nghiệp, hay là vô ký (không thiện, không ác). Nếu là vô ký thì có thể nêu lên một thí dụ để dứt lòng nghi hay chẳng? (*La Đức Chương hỏi*)

Đáp: Trị bệnh cho người khác là thiện nghiệp, dạy người khác sát sanh là ác nghiệp. Thiện ác xen lẫn, làm sao có thể nói là vô ký được? Ăn gan

^{31[32]} Cửu hữu, còn gọi là Cửu Cư, hàm nghĩa hữu tình chúng sanh trong tam giới có chín nơi cư trụ, gồm: 1) Nhân gian và sáu cõi trời trong Dục Giới. 2) Sơ Thiên Thiên. 3) Nhị Thiên Thiên 4) Tam Thiên Thiên 5) Vô Tướng Thiên 6) Không Xứ Thiên 7) Thức Xứ Thiên 8) Vô Sở Hữu Xứ Thiên 9) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

^{32[33]} Hoàng đả (Jaundice, còn gọi là Icterus), còn gọi là Hoàng Bệnh, hay Hoàng Đản, là một chứng bệnh da vàng như sáp, trông mắt cũng vàng do thặng dư chất bilirubin (đản hồng tố) trong máu. Khi lượng bilirubin trong máu cao hơn 1,8 mg/dL sẽ thấy triệu chứng hoàng đả. Chứng bệnh này thường là dấu hiệu gan bị tổn thương như trong các trường hợp viêm gan siêu vi (hepatitis) hay ung thư gan, ung thư lá lách, hoặc nhẹ hơn là ống mật bị nghẽn, tụy tạng có sạn v.v...

heo, dầu gan cá v.v... vẫn còn thể gọi là thuộc loại tam tịnh³³[34]. Nếu ăn ốc thì sẽ chẳng phải chỉ giết một mạng, tội sẽ tính chồng chất lại. Thật ra, thuốc Tây lẫn thuốc Bắc đều có rất nhiều cách trị bệnh hoàng đả, trọn chẳng nhất định phải dùng ốc. Nếu bệnh hoàng đả thuộc âm chứng mà lầm lạc dùng ốc, đả ra bệnh càng nặng hơn!

* Hỏi: Nếu có một gia đình ăn chay trường, nhưng thích mua cá, thịt, gan lợn v.v... cho con cái ăn. Nhưng khuyên giải người phụ nữ ấy, cô ta chẳng nghe, rốt cuộc nên dùng phương pháp nào để khuyên cáo? Tôi tính dùng câu thơ: "*Ngật tha bán cân, hoàn bát lạng, oan oan tương báo hà nhật liễu*" (Ăn nó nửa cân, đũa tám lạng, oan oan tương báo thuở nào ngơi) thì có được hay không? Có phương pháp nào xảo diệu hơn không để khiến cho cô ta nghe theo? (*Tín Huệ hỏi*)

Đáp: Chính mình ăn chay trường, tự mình có công đức; con cái chẳng thể ăn chay, xét về tình, tuy chẳng thể ép buộc, chỉ đành mặc nó; nhưng nếu ngược ngạo vui vẻ mua cá thịt cho con, tức là gián tiếp sát sanh, gây họa cho con cái! Đấy đều là do chẳng hiểu đạo lý mà ra, nên mới làm chuyện hại mình, hại con! Câu thơ cư sĩ đã chọn chính là khuyên họ nên hoàn toàn thôi ăn thịt, dường như khó khăn, chẳng bằng trước hết cứu vãn lỗi lầm của người gia chủ ăn chay trường, kể đó là lại thiện xảo khuyên con cái người ấy ăn chay. Cổ nhân có một bài kệ về chuyện cha mẹ khuyên nhủ đứa con ăn thịt, giống hệt như chuyện này, nay tôi sao lục để [cư sĩ] thuận tiện bảo với người ấy: "*Trường trai, trường thọ nhân, thực nhục khiếm tha trái, tự tri cầu phước đức, nhân tương thân nhi hại*" (Trường trai: nhân sống thọ; ăn thịt: Mắc nợ người. Biết tự cầu phước đức, sao nữa hại con mình).

* Hỏi: Giết các loài trùng có tội lỗi hay không? Trong vườn trà và cam do em trai trồng để buôn bán, mùa Hè, các chủng loại bọ cam, sâu trà, cũng như các loại trùng khác sanh sôi rất nhiều, nếu chẳng giết sẽ bị tổn hại khá lớn, phải nên làm như thế nào? (*Lý Vĩnh Thanh hỏi*)

Đáp: Trước tiên, hãy nên biết: Sát sanh tạo tội thuộc về tánh ác tự nhiên trong nhân quả, chẳng thể hướng về vị thần nào [để cầu cạnh] cởi gỡ tội ấy được! Nguyên tắc là như vậy. Ông có thể hỏi thăm những chuyên gia nông nghiệp phương cách để ngăn ngừa trùng bọ sanh sôi thì hay hơn. Nếu

³³[34] Tam tịnh là Tam Tịnh Nhục tức là ba thứ thịt có thể ăn nếu không có gì khác để ăn hay vì lý do đặc biệt cần ăn như chữa bệnh chẳng hạn. Tam Tịnh Nhục là thịt của con vật nếu chính mình không thấy nó bị giết, hoặc chẳng hoài nghi do mình mà nó bị giết, hoặc chẳng do chính mình giết.

không, trong chừng mực có thể, hãy gắng giết thật ít. Lúc bất đắc dĩ, chỉ có cách niệm Phật hồi hướng cho chúng.

* Hỏi: Giết muỗi, trùng có tính là sát sanh hay không? Để cho chúng nó hút máu ta thì tốt hơn, hay diệt trừ chúng tốt hơn? (*Hoàng Thiên Tống hỏi*)

Đáp: “Sanh” chỉ động vật, “sát” là giết hại, điều này hết sức đơn giản, dễ hiểu. Cho nó hút máu là bố thí, diệt nó là sát hại, đây là hai chuyện. Người chịu bố thí, tự nhiên chẳng giết. Đó là cảnh giới của Đại Thừa Bồ Tát, chẳng giết mà cũng chẳng bố thí, người học đạo bình thường đều có thể làm được!

* Hỏi: Có người nói: Quý có thể báo thù người sống, có chuyện ấy hay chẳng? (*Hoàng Thiên Tống hỏi*)

Đáp: Điều này chẳng cần tra cứu sách Phật, trong hai mươi bốn bộ sử của Trung Quốc đã ghi chép chuyện này nhiều lắm.

* Hỏi: Muốn tìm học với bậc lương sư, hòng phá vỡ khối nghi, nhưng xét bốn tánh của chính mình, do bản thân chẳng thuận tiện, chẳng dám khuấy nhiễu khiến người khác khổ não, con tính Thiền Tịnh Song Tu, không có thầy dìu dắt, nhất tâm lạy Phật tu trì, có thể phá tan tâm tối, thấy diện mục sẵn có hay không? (*Ông Huệ Hân hỏi*)

Đáp: Thiền Tịnh Song Tu là nhân. Không có thầy thì Thiền đã không hiểu, mà Tịnh cũng chẳng thấu đạt; huống hồ Thiền Tịnh Song Tu ư? Nếu chẳng có minh sư, nhưng chịu thật niệm Phật, không đi sai đường, đó là người có thiện căn từ trước; do vậy, sẽ thật sự tự đạt được cái quả viên mãn. “*Thấy bốn tánh của chính mình*” là quả. Chẳng hiểu giáo tướng, tánh là gì, kiến là gì, đều là một khối đen kịt! Dẫu có nói được tu như thế nào, đặc như thế nào, há chẳng phải là nói suông bàn rỗng? Chỉ nên tinh tấn không lùi, hạ phẩm vãng sanh đã là bậc kiệt xuất, muốn đắc quả viên mãn phải nhờ vào cái nhân chân thật!

* Hỏi: Có kẻ bảo tôi “kinh Kim Cang dạy con người ta hết thầy đừng chấp tướng”, nói tôi niệm kinh cũng là chấp tướng. Tôi nghe lời ấy cũng có lý, nhưng chẳng niệm trong tâm lại bất an, nên làm như thế nào mới là đúng? (*Lưu Học Trung hỏi*)

Đáp: Nghe lời kẻ ấy ngỡ là có lý thì chính là chấp tướng; chẳng niệm trong lòng bất an cũng là chấp tướng. Đó đều là vì cư sĩ tri kiến chưa định, lay động theo chiều gió mà ra! Động ắt có tướng, định là vô tướng. Định là như thế nào? Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này. Niệm tới mức thuần thục, chẳng biết năng niệm là gì, lại càng chẳng biết sở niệm là gì. Đã vô phân biệt, làm sao có tướng?

* Hỏi: Gần đây báo chí phương Nam có đăng tải một nông dân vừa sanh con, ba ngày sau, người mẹ ra ngoài giặt áo, chợt nghe tiếng đứa bé khóc thét lên, mẹ vội chạy vào xem, thấy một con chuột to nặng tới một cân đang cắn cổ đứa bé, máu tuôn đầm áo. Mẹ thấy vậy, vội chẳng tiếc thân đuổi chuột cứu con, nhưng đã chậm rồi, cổ đứa con đã bị chuột cắn một lỗ to, mê man bất tỉnh. Xin hãy chỉ dạy, đối với chuyện như vậy [có phải là] đệ tử Phật chẳng thể khai sát giới, người giữ giới bèn để chuột sống, bỏ mặc đứa bé? Xin hãy cởi gỡ mỗi nghi nan này! (*Thái Vĩnh Đức hỏi*)

Đáp: Nếu lúc thấy chuột cắn đứa bé mà khoanh tay chẳng cứu, cho là làm như vậy nhằm giữ vẹn tánh mạng của chuột, bỏ mặc đứa bé, Phật đâu có dạy chuyện ngớ ngẩn như thế!

Hỏi: Con cái tin tưởng kinh Phật, trọn chẳng phạm tội lỗi to lớn nào, nhưng làm cha mẹ, giữ vững lời giáo huấn của cổ nhân như "*chẳng đánh, chẳng nên người, roi đánh ra người tốt*" v.v... Kẻ làm cha mẹ có phải là có tội hay chẳng? Có bất lợi đối với con cái hay chẳng? (*Hành Ngọc hỏi*)

Đáp: Thiện khuyên, ác quản, đều nhằm mong con nên người, há có tội lỗi? Nhưng cũng phải nên xét tới trào lưu hiện thời, trừng phạt bằng cách đánh đập cũng chẳng phải là điều nên làm thường xuyên.

* Hỏi: Pháp thế gian khuyên người ta mền tiếc giấy có chữ, hãy nên thiêu hủy những tờ giấy bỏ đi ấy, nhưng người nghèo khổ trong thế gian chuyên nhặt giấy bỏ đi, đem bán cho xưởng chế giấy mong kiếm chút lời, trọn chẳng bỏ phí giấy. Một cử chỉ được hai điều lợi. Như vậy thì hai cách trước và sau, cách nào tốt nhất? (*Hành Ngọc hỏi*)

Đáp: Kinh Phật hư nát, chẳng thể tu bổ thì có thể chọn cách thứ nhất (thiêu hủy); nếu là giấy có những chữ thông tục, có thể chọn cách sau!

* Hỏi: Tệ nhân tuổi nhỏ vô tri, ngạo mạn chẳng nghe lời mẹ răn dạy, ngược ngạo dùng lời tục tằn mắng nhiếc song thân, nay đã trưởng thành, tự

biết bất hiếu, mắc vô lượng vô biên tội lỗi, muốn cầu sám hối, nhưng song thân đều mất đã lâu. Hối hận chẳng kịp, trong lòng mười phần hổ thẹn và bi ai, không biết báo đáp ân cha mẹ như thế nào? Làm sao sám hối tội ấy? (*Phan Ngọc Tuyền hỏi*)

Đáp: Mỗi ngày dành thời gian cố định để tụng một quyển kinh A Di Đà, niệm thánh hiệu Di Đà mấy trăm câu, hoặc mấy ngàn câu, đem công đức ấy hồi hướng song thân vãng sanh Cực Lạc, đó là báo ân chân thật, sám hối triệt để. Báo ân chớ nên biếng nhác, phụng sự bậc đã khuất như đang còn sống. Nếu có thể làm như thế, cổ nhân như ông Đinh Lan³⁴[35] chẳng còn riêng được tiếng thơm như trước nữa!

* Hỏi: Tôi nhớ ở quê hương nơi đất Mân (Phước Kiến), có một vị là Thạch cư sĩ, hành trì rất siêng năng, tín, giải, hạnh đều chân thật, đã thọ Tại Gia Bồ Tát Giới, cố sao ông ta cưới ba vợ, bốn người thiếp, điều ấy há chẳng phải là trái nghịch chế định của Phật ư? Hậu học dựa theo lời Thạch cư sĩ đã nói: "*Do hoàn cảnh tốt đẹp, cưới gái nhà nghèo về làm thiếp cũng là một cách độ họ*", [toan tính] do cơ duyên này, [bản thân tôi cũng] cưới nữ nhân khổ sở, khó khăn về làm thiếp có phải là cách tốt lành để độ chúng sanh hay chẳng? Xin hãy phán định, chỉ dạy! (*Nhan Phật Triệu hỏi*)

Đáp: Thế sự như cuộc cờ, thiên sai vạn biệt, chẳng thể nhất loạt luận định được! Nếu thật sự vì độ họ tu đạo thì không gì chẳng được. Nếu chẳng thể độ, sẽ là tham đông quyến thuộc, tự chuốc lấy buộc ràng. Nếu nói "tuy chẳng thể độ, nhưng cũng có thể cứu họ khỏi đói nghèo", tôi nói: Thật sự có cái tâm bố thí, cứu vớt, sao chẳng tự bỏ tiền ra giúp chi phí, kiếm người [xúng đôi vừa lứa với cô gái ấy] để gả, há chẳng phải là càng tốt đẹp hơn ư?

* Hỏi: Vãn bối hể ngủ, mộng huyền liên dâng trào, thậm chí, trước khi đi vào giấc ngủ, mộng huyền đã dậy lên, có thể nói là chẳng lúc nào không mộng, nhưng vãn bối hỏi dò người khác, ai nấy đều nói ít khi bị như vậy. Có

³⁴[35] Đinh Lan là một nhân vật sống vào đời Hán và được đưa vào danh sách hai mươi bốn người con có hiếu (Nhị Thập Tứ Hiếu). Cha mất sớm, ông được mẹ nuôi dưỡng khôn lớn. Mỗi ngày Đinh Lan cày cấy, đến trưa mẹ mang cơm ra đồng cho ăn; nhưng Đinh Lan đối xử với mẹ rất tệ hại, bất luận mẹ đưa cơm sớm hay trễ, ông ta đều chửi mắng. Về sau, Đinh Lan biết lỗi, toan tạ tội với mẹ. Khi mẹ đưa cơm đến, ông ta chấp tay, nhưng quên bỏ roi xuống, mẹ ngỡ Đinh Lan toan đánh bèn cầm đầu chạy, nào ngờ va phải một cái cây lê chết tươi. Đinh Lan chặt cây ấy, nhờ thợ tạc hình tượng mẹ để làm kỷ niệm. Mỗi ngày đều cung kính đối trước tượng thưa hỏi, tạ tội. Khi Đinh Lan cưới vợ, bà vợ do đố kỵ, lấy kim đâm tượng, tượng gỗ tuôn máu đỏ tươi. Đinh Lan biết chuyện liền bỏ vợ. Do câu chuyện này, thời cổ, khi khắc bài vị thờ mẹ, người Hoa thường dùng gỗ cây lê.

sao riêng vẫn bồi thường mắc phải, rốt cuộc là chuyện hiếm có hay thường có, có liên quan gì đến tâm lý hoặc sinh lý hay chẳng? Có phương pháp gì để khắc chế? (*Chương Phổ Minh hỏi*)

Đáp: Mộng cảnh tươi bởi là do tạp niệm quá nhiều, tinh thần chẳng thể chuyên nhất. Nếu cái thân Tứ Đại chẳng điều hòa thì cũng mộng nhiều!

* Hỏi: Tôi thường nghe định nghiệp chẳng thể giải trừ, kẻ giết người nhất định bị người khác giết, nhưng trong Phật pháp bảo niệm Phật có thể tiêu tai miễn nạn, mà cũng có thể lìa khổ được vui, thậm chí giải thoát chứng quả. Vậy thì tội nghiệp sát nhân tiêu tan nơi đâu? (*Chiêm Kim Chi hỏi*)

Đáp: Giết người đền mạng, thiếu nợ trả tiền, đây là nguyên tắc. Nếu hiểu Phật pháp, sẽ có nhiều cách thiện xảo, đối với đối phương có thể làm cho họ siêu thăng, giải oán, trừ tan hoàn cảnh bức bách. Đối với chính mình, có thể tu đến mức đoạn các Hoặc vọng, nghiệp tận, tình không, tiêu trừ chủng tử [tội chướng do sát nhân] kết thành quả báo. Nhưng còn có hai điều ngoại lệ cũng cần nên biết: Một là người đại tu hành coi thân hư huyền, thần thông du hý, nên chẳng bỏ tướng quả báo. Như An Thế Cao đại sư, hai lượt đến Lạc Dương đền mạng; Thiền Tông Lục Tổ ban đêm gặp thích khách, đặt vàng lên bàn, bảo: "Chỉ thiếu tiền của ông!", đây là những trường hợp như vậy đó. Hai là người tu Tịnh Độ đối nghiệp vãng sanh, thừa nguyện tái lai, độ thoát oán thân đều thành pháp lữ, chẳng lìa An Dưỡng, Nhất Sanh Bồ Xứ.

* Hỏi: Trước kia, hậu học đọc Ấn Quang Văn Sao sanh lòng tin, cho nên đối với ngôn giáo của Ngài không gì chẳng coi như Pháp Bảo, nhưng tôi thấy Ngài chẳng cho người khác coi nhiều kinh giáo, có xem thì chỉ giới hạn trong kinh luận Tịnh Độ, đối với điều này chẳng thể không nghi ngờ. Bởi lẽ, đại sư Tông lãn Giáo đều thông, cứ sao chẳng chấp thuận người khác cầu thông Tông thông Giáo, há có phải là bậc Bồ Tát hoằng dương Tịnh Độ nên làm như thế ư? Hay là vì thời Mạt Pháp căn tánh con người kém hèn, chỉ có trì danh mới khế cơ? (*Chung Quán Tĩnh hỏi*)

Đáp: "*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*" là thánh huấn, lẽ nào chẳng cho phép người khác xem nhiều kinh giáo? Còn như chỉ hạn cuộc trong kinh luận Tịnh Độ, cũng không phải là [Tổ bó buộc phải tuân thủ] như thế; nhưng trong khi hỏi đáp, nếu Tổ nói như vậy thì do nguyên cố nào? Đều là tùy thuận căn cơ mà tiếp dẫn, Tổ sợ kẻ ấy đọc kinh sách tràn lan,

hiểu sai be bét, không chỉ vô ích, mà còn có hại. Thử nêu thí dụ như: "*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*", "*Ma tới giết ma, Phật đến giết Phật*", "*tâm chẳng dính dáng đến đạo*", "*chẳng tu, chẳng chứng*" v.v... Những ý chỉ ấy, kẻ sơ cơ làm sao liễu giải được! Đối với các thứ giáo nghĩa, đức Thế Tôn pháp vương còn chia thành năm thời để diễn giảng, nên biết là đức Phật đã thuận theo căn cơ mà phân chia thứ tự. Pháp là thuốc, ắt phải ứng theo căn bệnh mà cắt thuốc vậy!

* Hỏi: Trong xã hội xưa nay, có những nhân vật bậc thượng lại chẳng bằng những kẻ tầm thường, chẳng tin Phật pháp. Dựa theo nhân quả để nói thì: Được hưởng phước đều do kiếp trước đã tu, cố sao nay có kẻ ngay cả vào chùa miếu lạy Phật cũng chẳng muốn, có phải là đời trước tu phước nhưng chẳng tu huệ đến nỗi đời này chẳng có duyên nghĩ tới Phật hay chẳng? (*Nhan Điền hỏi*)

Đáp: Đời này hiển đạt, chẳng muốn bước chân vào chùa chiền, thân cận Tam Bảo, tình hình ấy hết sức phức tạp. Cư sĩ nói "tu phước, chẳng tu huệ", thì cũng là một nhân trong đời quá khứ. Lại còn hoàn cảnh tập tục trong hiện tại có sức ảnh hưởng cũng rất lớn. Đối với các tình hình tệ hại trong giáo pháp của chúng ta khiến cho người khác mất cảm tình, chúng ta cũng phải nên tự trách mình!

* Hỏi: Hai người bạn A và B là cấp trên lúc tôi mới học Phật. Hai vị này đều thông hiểu Thích, Đạo, Nho; nhưng ông A vừa nghe chánh pháp liền tu Tịnh Độ, phát Bồ Đề tâm, mỗi năm càng thêm tinh tấn. Ông B tuy khá thông hiểu thấu suốt Lý, lúc rảnh rỗi bèn bàn luận Phật học, biện tài hùng hồn, lưu loát, ca ngợi Phật pháp, rốt cuộc vẫn chẳng tin có Tịnh Độ, cảm ứng, luân hồi v.v... Dường như chỉ hiểu Lý thì sẽ có cách trừ bỏ trần cấu chấp trước, hồng trở về Minh Hạnh Túc, cùng lên Liên Bang, xin chỉ dạy! (*Nhan Điền hỏi*)

Đáp: Thật sự hiểu biết, thấy rõ ràng, và Thế Trí Biện Thông là hai con đường khác biệt rạch ròi! Cư sĩ bảo ông B thông suốt, thấu triệt Phật lý, tôi chẳng dám tin! Nếu thông triệt thì sẽ Quyền Thật chẳng hai, tự hiểu rõ lý Tam Đế viên dung, liền có thể pháp pháp vô ngại. Những chuyện như Tịnh Độ, cảm ứng, luân hồi v.v... kể từ thoát đầu là Hoa Nghiêm cho tới cuối cùng là Niết Bàn, không kinh nào chẳng nói mà ông B chẳng chịu tin, tự khoe kiến thức cao siêu, coi kinh Phật là kém hèn, thô lậu, làm sao có thể xưng là "thông suốt, thấu triệt", mà cũng chẳng đáng để gọi là ca ngợi Phật

pháp! Chắc cái học của ông ấy là do nghe ngóng [rồi ghi nhớ]. Nếu gặp bậc cao tăng đại đức, không chừng có thể chuyển biến cảnh giới!

* Hỏi: Làm một đệ tử Phật kiên thành, trừ tận gốc tâm lý ngạo mạn, quý nhất là nhẫn nhục, nhưng nhẫn nhục có giới hạn hay không? Nên giới hạn tới mức nào? (*Châu Gia Lân hỏi*)

Đáp: Nên lấy Thất Giác Chi làm gương. Phàm những gì có ích cho chúng sanh, hoặc giúp tăng trưởng Bồ Đề thì Nhẫn cũng không có hạn định. Như đức Thích Ca chịu đựng vua Ca Lợi cắt chặt thân thể vậy. Nếu chẳng nhẫn sẽ có ích cho chúng sanh, tăng trưởng Bồ Đề thì Nhẫn bèn có tòng quyền, như xưa kia đức Thích Ca do cứu năm trăm thương nhân mà giết kẻ khởi ác tâm. Cơ duyên giết hại khi ấy là do lòng bi mẫn, chẳng phải là phần hận, nhằm cứu họ khỏi đọa lạc mà tự nguyện đọa lạc. Về hình tích dường như chẳng nhẫn, nhưng thật ra vẫn là nhẫn!

* Hỏi: Đệ tử từ khi vào Phật môn, được Phật pháp un đúc, cảm thấy hết thảy các nỗi thú vị trong nhân gian đều tẻ nhạt, vốn chuẩn bị tâm lý thi vào trường đại học cho thỏa ước mơ, nay [những ước vọng ấy] đều tiêu mất, đối với các thứ triết học và kinh tế học v.v... đều chẳng có lòng muốn tiếp tục nghiên cứu, tâm lý này có bình thường hay không? Xin rộng lòng chỉ dạy! (*Châu Gia Lân hỏi*)

Đáp: [Cái tâm] bon chen tranh đoạt danh lợi, cố nhiên nên nhạt mòng; nhưng tấn đức tu nghiệp (tăng tấn đức hạnh, nâng cao trình độ) chớ nên tiêu cực. Ấy là vì lợi ích chúng sanh mà học Phật, ắt phải học hỏi pháp thế gian mới hòng đầy đủ phương tiện tiếp dẫn được!

* Hỏi: Hành giả Luật Tông có thể vãng sanh Cực Lạc hay chẳng? Hay là còn có phương pháp tu trì khác để cuối cùng sẽ trở về đó? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Mỗi tông có cách tu riêng, mục tiêu đạt được cũng có Quyền và Thật khác biệt. Vãng sanh Cực Lạc là quả của Tịnh Độ Tông, trước hết ắt phải có tín nguyện hạnh làm nhân. Nếu tu Luật Tông mà chịu hồi hướng Tây Phương, phát nguyện vãng sanh thì cũng được vãng sanh.

* Hỏi: Kinh Kim Cang vốn chẳng chia thành ba mươi hai phần, nghe nói là do Chiêu Minh Thái Tử^{35[36]} đời Lương chia ra [như thế], có phải là thêm vào để người đọc tụng đỡ tốn sức hay chẳng? (*Trần Táo hỏi*)

Đáp: Kinh Kim Cang nguyên văn chẳng chia chẻ. Nếu muốn hiểu rõ về cách phân đoạn, đã có phương pháp khoa phán. Cách phân chia như hiện thời thật ra chẳng tinh tường, khéo léo, tương truyền là do Chiêu Minh Thái Tử định ra, cũng có thể nói là ý tưởng thoát đầu cũng nhằm để đọc tụng đỡ tốn công sức.

* Hỏi: Đối với chuyện giữa trưa ăn một bữa, tôi đã từng xem lời giải thích trong Phật Học Vấn Đáp, mà cũng từng thỉnh giáo mấy vị pháp sư. Tự nhiên mỗi chuyện đều có lý do, tôi nghĩ chuyện này có mối quan hệ gì với thiện ác. Phong tục Trung Quốc từ xưa là ngày ăn ba bữa, Phật giáo hạn định ngày ăn một bữa, há chẳng phải là ép buộc con người tổn hại thân thể ư? (*Trần Tử Lương hỏi*)

Đáp: Đối với câu hỏi này, ông đã xem lời giải thích, mà cũng đã nghe lời [các pháp sư] giảng giải, chẳng cần kẻ tầm thường phải rườm lời nhắc lại nữa! Chỉ có hai điều ông bắt bẻ “ép người” và “chẳng hợp phong tục từ xưa của Trung Quốc”, dựa vào đó để bài bác. Do tiên sinh nghi nơi ấy, nên tôi liền vâng lời phúc đáp chỗ ấy. Nhà Phật tuy có quy định giữa trưa ăn một bữa, người nào có thể giữ thì tuân thủ, kẻ chẳng thể giữ thì tùy ý. Trọn chẳng phải là mỗi giáo đồ đều phải hành như thế, há có chuyện ép buộc! Dẫu là người đã thọ Bồ Tát đại giới, trong kinh văn dạy về giới luật cũng chỉ hạn định [giữ giới không ăn quá Ngọ] trong sáu ngày. Chỉ có người hiểu lợi ích của việc này, và hiểu rõ lý vệ sinh, phần nhiều tự động giữ quy định ngày ăn một bữa. Đây là [lời đáp cho câu vấn nạn] thứ nhất. Vũ trụ to lớn, Lý Sự muôn mỗi, có lẽ chẳng nên viện lẽ Trung Quốc có hay không [phong tục ấy] để phân định thiện ác. Trung Quốc thời cổ có chuyện giết người tuần táng, nay có nên vâng theo hay chẳng? Huống chi, [cổ nhân] coi ăn một bữa là quý, Trung Quốc thời cổ có lệ ăn như thế. Theo thiên Lễ Khí trong sách Lễ Ký, trong chương “*dĩ thiếu vi quý*” (coi ít là quý) có câu: “*Thiên tử*

^{35[36]} Chiêu Minh Thái Tử tên thật là Tiêu Thống (501-531), con trai trưởng của Lương Vũ Đế, tên tự là Đức Thí, là một văn gia nổi tiếng của Trung Quốc, được lập làm Thái Tử vào năm Thiên Giám nguyên niên. Tên thụy khi mất là Chiêu Minh nên ông thường được gọi là Chiêu Minh Thái Tử. Tuy mất sớm (chưa đầy ba mươi một tuổi), ông đã góp phần biên soạn bộ tổng tập thi văn Trung Quốc từ thời cổ cho đến khi ấy, đặt tên là Văn Tuyển (thường được gọi là Chiêu Minh Văn Tuyển). Đối với kinh điển Phật giáo, ông cũng nghiên cứu sâu xa. Do có công hiển lớn, ông cùng cha (Lương Vũ Đế) được một số chùa Thiên Tông ở Hoa Nam thờ như thần hộ pháp.

nhất thực, chư hầu tái, đại phu sĩ tam, thực lực vô số” (thiên tử ăn một bữa, chư hầu hai bữa, các quan ăn ba bữa, những người thường dân thì không có hạn định). Theo ý chung của các vị chú giải, câu này có nghĩa là bậc cao quý, đức dày, chú trọng ăn vừa no, [coi đó] là một nét tốt, chẳng quan tâm đến vị ngon của thức ăn. Ôi! Từ lúc đả đảo Khổng gia điểm³⁶[37], văn hóa Trung Quốc hoàn toàn mất sạch! Đây là [lời đáp cho câu vấn nạn] thứ hai.

* Hỏi: Đệ tử quy y pháp sư thượng Sám hạ Vân, tu hành pháp Tịnh nghiệp nhiều năm, vâng giữ pháp trì danh, nhưng lúc niệm Phật thì ít, lúc lìa niệm thì nhiều, tâm suốt ngày sanh diệt chẳng ngừng, sanh, trụ, dị, diệt, chẳng thành thể thống gì! Đệ tử đọc các trước tác của chư tổ sư xưa nay, thấy những câu như: *"Người học Phật chí cầu kiến tánh, mới là Phật tử"* v.v.. Do vậy, gần đây đọc Lục Tổ Đàn Kinh, [thấy kinh ấy] cũng luận định kiến tánh, trực chỉ nguồn tâm: *"Thành Phật, làm Tổ, chỉ do một tâm này, ai nấy vốn sẵn có, người người viên thành. Chúng sanh do mê, nên chẳng biết tự tâm là Phật"*. Do vậy, đệ tử tính bỏ Tịnh nghiệp để học Thiền, mong bái Ngài làm thầy, mong mỗi Ngài từ bi nhiếp thọ. Công khóa hằng ngày ấn định theo cách nào? Thời giờ tọa Thiền nên như thế nào? Xin hãy dạy rành rẽ! (Trịnh Quân Hải hỏi)

Đáp: "Kiến tánh thành Phật" là lời khẳng định quy kết về nguồn cội, nhưng cách kiến tánh như thế nào thì mỗi pháp mỗi khác. Đó gọi là: *"Quy nguyên vô nhị lộ, phương tiện hữu đa môn"* (về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều môn). Cư sĩ tuy đọc nhiều kinh điển, nhưng nói chung là thiếu người chỉ dạy, chẳng có hệ thống, nên mới gặp cảnh nghi ngờ, đi vào ngõ rẽ! Cần biết rằng: Tham Thiền nhằm cầu kiến tánh, nhưng niệm Phật cũng là cầu kiến tánh, nhưng có thể kiến tánh hay không chẳng phải là chuyện đơn giản! Nếu kiến tánh, đương nhiên là tốt đẹp. Lỡ chẳng kiến tánh thì vẫn thuộc trong vòng khổ sở chẳng ngớt! Chỗ ổn thỏa của Tịnh Tông là đời nghiệp vắng sanh. Nếu kiến tánh trong đời này, cố nhiên là Thượng Phẩm, chứng [Vô Sanh] Pháp Nhẫn. Dầu chẳng kiến tánh, cũng đã thoát luân hồi. Cư sĩ đã quy y Sám công, hãy nên nương theo Ngài tu Tịnh Độ, chớ nên sáng Tần tối Sở, giơ con cờ lên chẳng biết đặt xuống nơi nào nhất định, lỡ làng tiền đồ! Kẻ tầm thường này tuy xưa kia có học Tham Thiền đôi chút, nhưng tiểu ngộ cũng chưa có, đâu dám làm kẻ đui hướng dẫn người khác, mong hãy rộng dung!

³⁶[37] Đây là khẩu hiệu của các nhà tân học quá khích như Hồ Thích, Trương Độc Tú trong phong trào Ngũ Tứ chủ trương xóa bỏ cái học cũ, phế bỏ Khổng Mạnh. "Đả đảo Khổng gia điểm" là "đả đảo tiếm buôn của nhà họ Khổng".

* Hỏi: Đối với quan niệm chính trị, Phật tử nên giữ thái độ như thế nào là thích hợp? (*Huệ Khang từ Phi Luật Tân hỏi*)

Đáp: Giáo đồ nhà Phật cũng là một phần tử công dân, phải dốc lòng trung đối với đất nước, tư tưởng thuần khiết, há có hai lòng! Phạm vi của cuộc hỏi đáp này vốn chỉ xoay quanh Phật lý, chẳng dính đến chính trị. Tiên sinh cứ gạn hỏi thì tôi thuộc hạng người chuộng cổ, nhưng biết "*đa hành bất nghĩa, tất tự tử*" (làm lắm chuyện bất nghĩa, ắt tự diệt vong) và "*nhân giả vô địch ư thiên hạ*" (người nhân từ thì trong thiên hạ chẳng có ai là kẻ đối địch). Hai câu này là giáo huấn của cổ nhân, là thiên kinh địa nghĩa.

* Hỏi: Gần đây, tứ chúng học Phật, hễ quy y một vị thầy, ắt mong được ban một pháp hiệu. Pháp hiệu lại còn phải có chữ định cho từng thế hệ trong tông phái^{37[38]}. Chữ đặt trong kệ truyền tông phái vốn là theo tông phổ của thế tục. Xưa kia, các vị đệ tử của đức Thích Ca như Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Tu Bạt Đà La v.v... đều chiếu theo tên họ vốn có [để xưng hô], trọn chẳng ban pháp hiệu theo pháp phái. Phật pháp truyền sang phương Đông, thoát đầu, Tăng Già vẫn dùng tên họ thế tục, về sau, có thể là lấy theo họ của thầy. Đời Tấn, pháp sư Đạo An đề xướng bỏ họ ngoài đời, theo họ Thích của đức Thích Ca. Sư có nói: Do sau bản kinh A Hàm được dịch vào đời Hán, có những câu như: "*Bốn con sông đổ vào biển, chẳng còn tên sông nữa*" v.v... [từ đấy tăng nhân Trung Quốc] mới thật sự phổ biến thói quen bỏ tên họ gốc (tên họ ngoài đời). Khi ấy, chẳng những chưa có tự phái (kệ truyền thừa của pháp phái) mà giữa thầy và trò, pháp hiệu cũng ưa dùng lại một chữ, như Cao Phong và Trung Phong là theo lệ ấy. Sau thời Triệu Tống (Bắc Tống), các phái đặt kệ truyền pháp rất phổ biến, hai chúng xuất gia cũng không ra ngoài lệ ấy, nên sau khi xuất gia, bỏ họ ngoài đời, lập phổ hệ mới, không khỏi hòa theo thói tục, muốn cho môn hộ, hệ phái chẳng ngày càng suy vi, há có được chẳng? Có nên trừ khử tận gốc thói quen hèn tẻ thuộc loại vô minh này hay không? (*Triệu Siêu hỏi*)

^{37[38]} Nguyên văn là tự phái, tức là mỗi pháp phái truyền thừa có một bài kệ quy định cách đặt pháp danh. Chẳng hạn, tông Lâm Tế theo pháp phái của ngài Vạn Phong Thời Ủy sẽ vâng theo bài kệ: "*Tổ đạo giới định tông, phương quảng chứng viên thông, hạnh siêu minh thật tế, liễu đạt ngộ chân không, như nhật quang thường chiếu, phổ châu lợi ích đồng, tín hương sanh phước huệ, tương kế chấn từ phong*". Theo đó, chẳng hạn thầy chữ Siêu thì trò sẽ có pháp danh là chữ Minh. Từ đời chữ Minh, tại Việt Nam, đã biệt xuất ít nhất ba thiền phái là Lâm Tế Chúc Thánh (Minh thật pháp toàn chương...), Lâm Tế Liễu Quán (Thật Tế đại đạo, tánh hải thanh trừng...) và Minh Hành Tại Toại (Minh chân như bảo hải, kim tương phổ chiếu thông...)

Đáp: Chuyện này xưa kia Ngẫu Ích đại sư đã từng nói tới, nhưng tới nay vẫn chẳng thay đổi. Luận theo phương diện Quyền, đối với ý nghĩa và tông chỉ của kinh luật, trọn chẳng có mâu thuẫn gì. Thuận theo lối xưa, hay theo kiểu hiện thời, dường như chẳng cần chấp nhặt. Hễ chấp thì chỗ nào cũng bị chướng ngại. Nếu cứ ắt phải trở lại lối cổ, há phải chỉ có chuyện này? Ngày nay, chuyện cơm áo, cư trụ của Tăng Già đều trở thành đề tài tranh luận. [Có những người khảo cứu thấy] thời đức Phật chẳng mặc áo hải thanh, thức ăn phải đi xin, chẳng ở trong chùa miếu, trừ những điều này ra, những chuyện vụn vặt còn nhiều hơn nữa, không thể kể xiết! Tôi trộm cho rằng: Đối với phương diện chất lượng, hãy nên nương theo kinh, đối với phương diện ứng dụng, chỉ cần không tổn hại đại thể, thuận theo cõi đời mà diễn biến cũng chẳng trở ngại gì. Còn như nói “do vậy sẽ tạo thành môn hộ”, dường như không phải thầy đều như thế, hoạn quan Mạnh Tử, Mạnh Tử xứ Ngô, Mạnh Tử người đất Trâu³⁸[³⁹], tên vốn giống nhau, há có kết thành bè phái ư? Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Trương³⁹[⁴⁰], tên họ mỗi người mỗi khác, chẳng trở ngại tâm đầu ý hợp! Lại nghi [cách đặt pháp hiệu theo pháp phái] có phải là thói quen hèn kém do vô minh hay không, cố nhiên đây là một thói quen, nhưng nó chẳng dính dáng gì đến vô minh cả!

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên Phần 1 hết

³⁸[³⁹] Nguyên văn “*tự nhân Mạnh Tử, Ngô Mạnh Tử, Trâu nhân Mạnh Tử*” : Đây là ba nhân vật có cùng chữ Mạnh trong tên họ: Tự nhân Mạnh Tử được nhắc tới trong bài Càng Bá của thiên Nhĩ Nhã kinh Thi: “*Tự nhân Mạnh Tử, vi tác thử thi, phàm bách quân tử, kính nhi thính chi*” (hoạn quan Mạnh Tử, làm bài thơ này, quân tử đi qua, kính xin nghe lấy). Theo lệ cổ, người cùng họ không thể lấy nhau, Lỗ Chiêu Công muốn lấy người con gái xứ Ngô làm vợ, nhưng cô ta cũng họ Cơ giống như nhà vua, vua bèn đổi họ cô ta thành Ngô, vì cô là con đầu lòng trong nhà nên vua đặt tên cho cô ta là Ngô Mạnh Tử. Khổng Tử phê phán: “*Quân thủ ư Ngô, vị đồng tánh, vị chi Ngô Mạnh Tử, quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ*” (Vua lấy con gái đất Ngô, vì cô ta cùng họ, bèn gọi cô ta là Ngô Mạnh Tử, vua mà biết lễ thì còn ai mà chẳng biết lễ nữa). Mạnh Tử đất Trâu chính là Mạnh Kha, tự Tử Dư, quê ở Trâu Thành, tỉnh Sơn Đông, là người kế nghiệp Khổng Tử.

³⁹[⁴⁰] Đây là tên ba nhân vật do Trang Tử đặt ra trong thiên Đại Tông Sư sách Nam Hoa Kinh. Trang Tử viết: “*Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Trương ba người trò chuyện, bảo: ‘Ai có thể lấy vô tâm để kết giao với nhau, giúp nhau mà chẳng lộ dấu vết? Ai có thể vượt khỏi ngoại vật, nhảy vào chỗ vô cùng, quên hết sanh mạng, không biết nơi đâu là cùng tận?’ Ba người nhìn nhau cười, trong bụng cảm thấy rất hợp nhau, bèn kết làm bạn*”.

^{40[1]} Trung Lang là tên tự của Viên Hoằng Đạo (1568-1610). Viên Hoằng Đạo có hiệu là Thạch Công, là người xứ Công An, sống vào đời Minh, hai em trai là Viên Tông Đạo và Viên Trung Đạo đều tài danh, nên người đời thường dùng chữ Tam Viên để gọi họ. Qua trước tác, họ đã thành lập riêng một trào lưu văn học gọi là Công An Phái. Tác phẩm Phật học nổi tiếng nhất của Viên Hoằng Đạo là Tây Phương Hiệp Luận.

^{41[2]} Trọng Hựu là tên tự của Đinh Phước Bảo, một nhà Phật học nổi tiếng thời đầu Dân Quốc, tác giả bộ Phật Học Đại Tự Điển.

^{42[3]} Diển Thánh Công là tước vị thế tập dành riêng cho hậu duệ đích truyền của Khổng Tử. Tước vị này được coi như bắt đầu từ thời Tàn khi Tàn Thủy Hoàng phong cho cháu chín đời của Khổng Tử là Khổng Phụ làm Thiếu Phó. Hán Cao Tổ đổi tước vị này thành Phụng Ky Quân, Hán Nguyên Đế đổi thành Bao Thành Quân, Hán Thành Đế đổi tước vị này thành Ân Thiệu Gia Hầu. Thời Tào Ngụy đổi thành Tông Thánh Hầu, rồi lần lượt đổi thành Sùng Thánh Hầu (đời Bắc Ngụy), Cung Thánh Hầu (đời Bắc Tề), Trâu Quốc Công (đời Tùy), Văn Tuyên Vương (đời Đường Huyền Tông), về sau đổi thành Văn Tuyên Công. Chức vụ này đổi thành Diển Thánh Công dưới đời Tống Nhân Tông và danh hiệu này giữ mãi cho đến thời Dân Quốc. Năm 1935, với ý định xóa bỏ mọi quan chức nhà Thanh, chính quyền Dân Quốc đổi Diển Thánh Công thành Đại Thành Chí Thánh Tiên Sự Phụng Ky Quan. Sau khi người cuối cùng giữ chức Diển Thánh Công là Khổng Đức Thành qua đời vào năm 2008, chức quan này bị phế trừ, tuy con cháu Khổng Đức Thành vẫn kế tập tước vị này, nhưng không còn dinh thự, không có lương bổng, mà cũng chẳng có nhân viên trực thuộc.

^{43[4]} Tuy gọi là Khảo Tuyển Bộ, nhưng bộ này chẳng dính líu gì đến công tác thi cử trong bộ Giáo Dục. Khảo Tuyển ở đây chịu trách nhiệm sát hạch trình độ chuyên môn các công chức, thanh tra các cơ cấu khảo tuyển nhân viên trực thuộc chánh phủ, quy định chính sách, chế độ đãi ngộ, thăng cấp, giáng chức, thuyên chuyển công chức.

^{44[5]} Nguyên văn “*tho chi lật táo*”. Thời cổ, do in sách bằng mộc bản, ván khắc chữ thường làm bằng gỗ cây lật hoặc cây táo do số của những loại gỗ này thẳng, dễ khắc, ván lại bền, lâu hư. Vì thế, chức tụng một tác phẩm nào sẽ được tái bản nhiều lần, người ta dùng từ ngữ “*tho chi lật táo*”.

^{45[6]} Đông Lỗ là thành ngữ chỉ tỉnh Sơn Đông, do vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, địa bàn đất Lỗ thuộc tỉnh Sơn Đông. Cự Lý Bình Nam là người xứ Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

^{46[7]} Kỳ Hoàng là Kỳ Bá và Hoàng Đế, hai vị được coi là thánh tổ của y học Trung Hoa. Theo truyền thuyết, Kỳ Bá ưa thích y dược, ban ngày nếm thuốc, nghiên cứu dược tánh, ban đêm tập dưỡng sanh, nắm vững hệ thống kinh lạc. Do Hoàng Đế cũng ưa thích y học nên tìm đến học hỏi với ông; về sau, Kỳ Bá trở thành đại thần của Hoàng Đế. Người Trung Hoa vẫn coi bộ Hoàng Đế Nội Kinh là cuộc thảo luận y học giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá.

^{47[8]} “*Phá mê khai ngộ*” (phá mê hoặc, khơi gợi sự giác ngộ). Ở đây, cư sĩ Từ Tĩnh Dân dùng chữ Khải (啟), không phải “khai” (開) nhằm ca ngợi lời giải đáp của cự Lý Bình Nam giống như một khai thị quan trọng hướng dẫn người học, người hỏi tự nhận thức, tự tìm ra lẽ chánh qua lời dạy.

^{48[9]} Ngũ Minh (Pañca vidyā-sthānāni) năm thứ học thuật chánh yếu của cổ Ấn Độ gồm:

1. Thanh minh (Sabda-vidyā): Ngôn ngữ học, nghiên cứu điển tịch.
2. Công xảo minh (Silpakarma-vidyā): Công nghệ, kỹ thuật, toán pháp, lịch số.
3. Y phương minh (Cikitsā-vidyā): Y học, dược học, chú pháp.
4. Nhân minh (Hetu-vidyā): Luận lý học.

5. Nội minh (Adhyātma-vidyā): Cái học về diệu lý ngũ thừa nhân quả.

^{49[10]} Lý thú: Chỗ quy kết của nghĩa lý trong kinh điển.

^{50[11]} Nạp tạng: Do tỳ-kheo mặc ca-sa bằng các mụn vải chằm lại nên gọi là Nạp Tạng.

^{51[12]} Đây là lời tán thán cụ Lý Bình Nam ứng cơ thuyết pháp, tâm rộng rang giống như chuông kêu to hay nhỏ tùy theo người gõ. Cũng như vậy, tùy theo căn cơ sâu cạn của người hỏi, mà lời đáp phù hợp khít khao.

^{52[13]} Lý Quảng và Trình Bất Thức là hai danh tướng thời Đông Hán. Lý Quảng nổi tiếng phóng túng, không chú trọng quân kỷ, nhưng thương lính như con nên binh sĩ phục tùng, thường chuyển bại thành thắng; trong khi đó Trình Bất Thức hết sức nghiêm khắc, quân lệnh như núi. Ở đây, pháp sư Dung Hy dùng từ ngữ “*điều đầu sâm nghiêm*” để diễn tả quân kỷ của Trình Bất Thức, điều và đầu là hai dụng cụ bằng đồng bằng sắt có thể dùng để đun nước, nấu cơm của mỗi quân nhân, và dùng để gõ làm hiệu lệnh tuần tra trong đêm tối.

^{53[14]} Doanh Kiệu (瀛嶠): Một tên gọi ít phổ biến của Đài Loan, Doanh là biển khơi, Kiệu là ngọn núi cao nhọn.

^{54[15]} Tatami là một loại thảm hay đệm lót nền kết bằng rơm trong kiến trúc truyền thống của Nhật Bản.

^{55[16]} Bá Di họ Tử, thuộc thị tộc Mặc Thai, tên là Doãn, tự Công Tín, là con trưởng của Á Vi, vua nước Cô Trúc (nay thuộc thành phố Đường Sơn, tỉnh Hà Bắc). Em trai là Thúc Tề được vua cha dự định truyền ngôi, nhưng điều này trái với tông pháp truyền ngôi cho dòng đích thời ấy, nhưng Thúc Tề không muốn đoạt ngôi của anh, Bá Di cũng chẳng muốn trái lời cha, nên hai anh em cùng bỏ trốn, chạy sang đất của bộ lạc Châu, được Châu Văn Vương coi trọng. Khi Châu Vũ Vương hưng binh phạt Trụ, Bá Di và Thúc Tề đã chặn đường, khóc lóc can ngăn, nhưng Châu Vũ Vương đã quyết ý. Khi Trụ Vương bị diệt, hai anh em khóc lóc, quyết định chẳng ăn thóc lúa nhà Châu nhằm biểu hiện lòng trung với nhà Thương, trốn vào núi Thủ Dương ẩn cư, ăn vỏ cây, rau dại sống qua ngày. Về sau, có người nói thiên hạ đã là của nhà Châu thì cỏ hoang, rau dại cũng là của nhà Châu, họ bèn nhin đói đến chết.

Liễu Hạ Huệ (720-621 trước Công Nguyên), họ Triền tên Hoạch, biểu tự là Cầm, một tên tự nữa là Quý, người nước Lỗ, là hậu duệ của công tử Triền (con trai Lỗ Hiếu Công); do vậy, họ gốc của ông là Cơ, do gọi theo tên của tổ phụ nên thành họ Triền. Liễu Hạ là tên thực ấp (đất phong của ông), Huệ là thụy hiệu, cho nên mới thường gọi là Liễu Hạ Huệ. Ông làm quan đại phu nước Lỗ, ông được coi là thủy tổ của những người mang họ Liễu sau này. Ông là nhân vật được coi là người đức hạnh, với câu chuyện: Trên đường thấy một phụ nữ bị rét cóng sắp chết, nên ông cởi áo khoác phủ cho cô ta rồi ôm cô ta trong lòng cho hết lạnh, nhưng chẳng khởi tà tâm.

^{56[17]} Đồ Hương (Vilepana) là loại hương dùng để bôi trên thân nhằm khử mùi hôi khi trời nóng bức. Có nhiều loại đồ hương, đơn giản nhất là loại dùng Chiên Đàn nghiền thành bột hòa với nước để bôi trên thân, có loại dùng sáp hòa hương liệu để bôi thân, có loại xông ướp áo cho thơm. Nói cách khác, có thể hiểu Đồ Hương là các loại nước hoa và các chất deodorant sau này. Do đồ hương có tác dụng khử mùi hôi, khiến cho thân thể thơm tho, giống như trì giới khiến cho thân tâm thanh tịnh, thơm sạch, xông ướp thân tâm bằng hương đức hạnh. Vì thế, Đồ Hương biểu thị Trì Giới.

^{57[18]} Đây là một tác phẩm ghi sự truyền thừa của Phật giáo vào Trung Hoa, không rõ viết vào thời nào và ai là tác giả. Theo đó, Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ thời Hán Minh Đế trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-75) và đã liên tục bị Đạo giáo công kích. Nguyên bản hoàn chỉnh của tác phẩm này đã bị thất truyền, chỉ còn những phần trích dẫn trong các bộ sử liệu về sau như Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành, Quảng Hoảng Minh Tập, Pháp Uyển Châu Lâm v.v...

^{58[19]} Tư Không là chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, được xếp vào hàng Tam Công, tương đương với Lục Khanh. Tư Không cùng với Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ được gọi là Ngũ Quan. Tư Không tương đương với Thượng Thư bộ Công về sau này, chương quản công tác thủy lợi, xây dựng cung thất, các công trình công cộng v.v...

^{59[20]} Cao Quý Hương Công là tước hiệu của Tào Mao (241-260), là cháu nội của Tào Phi (con trai trưởng của Tào Tháo). Năm 254, quyền thần Tư Mã Sư phế lập Tào Phương (Ngụy Thiếu Đế), đưa Tào Mao lên ngôi vua, làm con rối cho Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu thao túng. Khi vua trưởng thành, toan trừ khử bè lũ Tư Mã Sư, nhưng bất thành, bị giết, nên không có đế hiệu. Sử chỉ gọi vua là Cao Quý Hương Công theo đất phong khi còn là công tử của Đông Hải Vương Tào Lâm.

^{60[21]} Tăng Sâm (505-435 trước Công Nguyên), tự là Tử Dư, người xứ Nam Phú, nước Lỗ (nay là Bình Ấp, tỉnh Sơn Tây), là một trong những học trò lỗi lạc của Khổng Tử, có mỹ hiệu là Tông Thánh. Tăng Sâm, Khổng Cấp, Nhan Hồi và Mạnh Tử, được Nho gia xưng tụng mỹ hiệu Tứ Phối (tức bốn truyền nhân xuất sắc nhất của Khổng Tử). Tương truyền ông là người trước thuật các sách Đại Học, Hiếu Kinh. Sách chỉ nói ông là hậu duệ của vua Hạ Vũ, vốn có họ là Tục, nhưng không giải thích vì sao đến đời cha ông lại có họ là Tăng. Khi Khổng Tử mất, ông là người kế thừa mỗi đạo, cháu nội của Khổng Tử là Khổng Cấp cũng theo học với ông. Ông nổi tiếng với câu nói: *“Mỗi ngày ta tự xét mình ba việc: Nhận lời làm giúp người ta việc gì có thật tình làm hay không? Cùng với bạn bè giao ước điều gì, có thất tín hay không? Thấy dạy ta những gì, ta có nghiên cứu học tập hay không?”* Điều này được Nho gia gọi là *“Tăng Tử tam tỉnh”* (ba điều phản tỉnh của Tăng Tử).

^{61[22]} Nguyên văn là Đài Đoan, chữ này vốn là chữ dùng để gọi chức quan Thị Ngự Sử đời Đường. Phạm những chuyện liên quan đến Ngự Sử Đài đều do quan Thị Ngự Sử lo liệu nên gọi là Đài Đoan. Về sau, chữ Đài Đoan được dùng như một từ ngữ tỏ lòng kính trọng hoặc gọi người khác một cách văn vẻ.

^{62[23]} Tạng Đầu Phật: Quả vị Phật trong Tạng Giáo. Viên Mãn Phật: Quả vị Phật trong Viên Giáo.

^{63[24]} Viên Mai (1716-1797), tự Tử Tài, hiệu Giản Trai, biệt hiệu Tỳ Viên Lão Nhân, là một thi nhân và văn sĩ đời Thanh, người xứ Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, từng làm tri huyện Giang Ninh, và là một trong tám đại gia về thể loại Biên Văn đời Thanh. Trước tác có Tiêu Thương Sơn Phòng Văn Tập, Tỳ Viên Thi Thoại, Tử Bất Ngữ, Thái Muội Văn. Viên Mai thích sưu tập những câu chuyện cũ, kỳ dị, viết thành bộ Tử Bất Ngữ, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiều Lam. Ông ta thích luận bàn về đạo Phật, nhưng không hiểu đến nơi đến chốn nên có những dị thuyết rất lạ lùng, chẳng hạn bảo Lăng Nghiêm do người đời Lục Triều bịa ra, nhưng chẳng nêu được một chứng cứ khả tín nào. Ông cũng rất thích ăn uống, nên đã sưu tập mọi công thức chế biến món ngon vật lạ thời ấy, viết thành cuốn Tỳ Viên Thực Đơn. Cuốn Thực Đơn ấy cũng được dịch sang tiếng Nhật.

^{64[25]} Lục Triều là sáu triều đại liên tiếp trong lịch sử Trung Hoa, có hai cách hiểu:

1. Đông Ngô (do Tôn Quyền sáng lập), Đông Tấn (hậu duệ của nhà Tây Tấn, được kể từ lúc Tư Mã Duệ làm vua), Tống (do Lưu Dụ sáng lập, khác với nhà Đại Tống hoặc Triệu Tống sau này của Triệu Khuông Dẫn), Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Lương (do Tiêu Diễn sáng lập), Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập). Sáu triều đại này lần lượt đóng đô tại Kiến Khang (Nam Kinh). Đây là cách hiểu của Hứa Tung trong bộ Kiến Khang Thực Lục.
2. Đông Ngụy (do Tào Phi sáng lập), Tấn (do Tư Mã Viêm sáng lập), Tống, Tề, Lương, Trần. Đây là cách hiểu của sách Tư Trị Thông Giám (do Tư Mã Quang soạn).

^{65[26]} Theo kinh Trường A Hàm, có lần một vị trưởng giả của thành Vương Xá đã đặt một cái bát bằng gỗ trầm trên sào rất cao, thách thức có vị thánh nhân nào có thể lấy xuống được, ngài Tân Đầu Lô dùng thần thông bay

lên đoạt lấy bát trăm ấy, được quần chúng tán thưởng vang dội. Đức Phật quả trách Ngài đã lạm dụng thần thông để làm chuyện vô ích nên cấm Ngài không được nhập diệt mà phải trụ thế làm phước điền cho chúng sanh cho đến khi Di Lạc Phật ra đời.

^{66[27]} Si mị võng lượng là thành ngữ chỉ chung các loài yêu quái. Theo truyền thuyết, thời cổ loài quỷ quái trong núi sâu, rừng rậm thì gọi là Si và Mị, các loài tinh quái trong núi sông, cây cối thì gọi là Võng, các loài yêu tinh ẩn nấp trong chốn tối tăm để trêu ghẹo hại người thì gọi là Lượng.

^{67[28]} Lữ Tư Miễn (1884-1957), tự Thành Chu, bút danh Nô Ngưu, quê ở huyện Vũ Tấn, tỉnh Giang Tô, từng dạy đại học Quang Hoa tại Thượng Hải, chủ nhiệm bộ môn lịch sử. Thông Sử chính là bộ Lữ Trước Trung Quốc Thông Sử của ông Lữ.

^{68[29]} Nguyên Nhân Luận có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận, một quyển, do ngài Tông Mật soạn vào đời Đường. Luận này dựa trên tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm để luận định cội nguồn vũ trụ và con người, chủ yếu dùng luận thuyết Hoa Nghiêm để phá những kiến chấp “vạn vật do hư vô đại đạo sanh ra” hoặc do Thượng Đế sanh ra.

^{69[30]} Nguyên văn “*tương hiện nhi tiếu, mạc nghịch u tâm, thứ kỷ cận chi*”. Câu này sử dụng hai thành ngữ “*tương thị nhi tiếu, mạc nghịch u tâm*” (nhìn nhau cười, tâm đầu ý hợp). “*Mạc nghịch*” là đôi bên thuận thảo, hết sức hợp ý, hình dung bạn bè chơi với nhau thân thiết, chẳng hề có mâu thuẫn, kèn cựa nào. Thành ngữ này dựa theo một câu trong thiên Đại Tông Sư của Nam Hoa Kinh. “*Thứ kỷ*” là “gần như, dường như”. Từ ngữ này dựa theo câu nói trong sách Sử Ký, thiên Tản Thủy Hoàng Bản Ký: “*Quả nhân dĩ vi thiện, thứ kỷ tức binh cách*”, câu này được các nhà chú giải giảng là “quả nhân vì làm lành, gần như chấm dứt chiến tranh”.

^{70[31]} Bá Công là một danh xưng của thần Thổ Địa. Người Hoa gọi thần Thổ Địa bằng nhiều danh xưng như Bá Công, Đại Bá Công, Phước Đức Chánh Thần, Phước Đức Lão Gia, Thổ Địa Công Công, Phước Đức Công, Thổ Địa Công, Thổ Địa Gia, Địa Chủ Công, Thổ Công, Phước Đức, Thổ Địa, Thổ Bá, Thổ Chánh, Địa Chủ, Xã Thần, Xã Công, Xã Quan, Hậu Thổ v.v...

^{71[32]} Cửu hũu, còn gọi là Cửu Cư, hàm nghĩa hũu tình chúng sanh trong tam giới có chín nơi cư trụ, gồm: 1) Nhân gian và sáu cõi trời trong Dục Giới. 2) Sơ Thiên Thiên. 3) Nhị Thiên Thiên 4) Tam Thiên Thiên 5) Vô Tướng Thiên 6) Không Xứ Thiên 7) Thức Xứ Thiên 8) Vô Sở Hữu Xứ Thiên 9) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

^{72[33]} Hoàng đả (Jaundice, còn gọi là Icterus), còn gọi là Hoàng Bệnh, hay Hoàng Đản, là một chứng bệnh da vàng như sáp, trông mắt cũng vàng do thặng dư chất bilirubin (đán hồng tố) trong máu. Khi lượng bilirubin trong máu cao hơn 1,8 mg/dL sẽ thấy triệu chứng hoàng đả. Chứng bệnh này thường là dấu hiệu gan bị tổn thương như trong các trường hợp viêm gan siêu vi (hepatitis) hay ung thư gan, ung thư lá lách, hoặc nhẹ hơn là ồng mật bị nghẽn, tụy tạng có sạn v.v...

^{73[34]} Tam tịnh là Tam Tịnh Nhục tức là ba thứ thịt có thể ăn nếu không có gì khác để ăn hay vì lý do đặc biệt cần ăn như chữa bệnh chẳng hạn. Tam Tịnh Nhục là thịt của con vật nếu chính mình không thấy nó bị giết, hoặc chẳng hoài nghi do mình mà nó bị giết, hoặc chẳng do chính mình giết.

^{74[35]} Đinh Lan là một nhân vật sống vào đời Hán và được đưa vào danh sách hai mươi bốn người con có hiếu (Nhị Thập Tứ Hiếu). Cha mất sớm, ông được mẹ nuôi dưỡng khôn lớn. Mỗi ngày Đinh Lan cày cấy, đến trưa mẹ mang cơm ra đồng cho ăn; nhưng Đinh Lan đối xử với mẹ rất tệ hại, bất luận mẹ đưa cơm sớm hay trễ, ông

ta đều chửi mắng. Về sau, Đinh Lan biết lỗi, toan tạ tội với mẹ. Khi mẹ đưa com đến, ông ta chấp tay, nhưng quên bỏ roi xuống, mẹ ngỡ Đinh Lan toan đánh bèn cầm đầu chạy, nào ngờ va phải một cái cây lê chết tươi. Đinh Lan chặt cây ấy, nhờ thợ tạc hình tượng mẹ để làm kỷ niệm. Mỗi ngày đều cung kính đối trước tượng thưa hỏi, tạ tội. Khi Đinh Lan cưới vợ, bà vợ do đồ kỵ, lấy kim đâm tượng, tượng gỗ tuôn máu đỏ tươi. Đinh Lan biết chuyện liền bỏ vợ. Do câu chuyện này, thời cổ, khi khắc bài vị thờ mẹ, người Hoa thường dùng gỗ cây lê.

^{75[36]} Chiêu Minh Thái Tử tên thật là Tiêu Thống (501-531), con trai trưởng của Lương Vũ Đế, tên tự là Đức Thí, là một văn gia nổi tiếng của Trung Quốc, được lập làm Thái Tử vào năm Thiên Giám nguyên niên. Tên thật khi mất là Chiêu Minh nên ông thường được gọi là Chiêu Minh Thái Tử. Tuy mất sớm (chưa đầy ba mươi một tuổi), ông đã góp phần biên soạn bộ tổng tập thi văn Trung Quốc từ thời cổ cho đến khi ấy, đặt tên là Văn Tuyển (thường được gọi là Chiêu Minh Văn Tuyển). Đối với kinh điển Phật giáo, ông cũng nghiên cứu sâu xa. Do có công hiến lớn, ông cùng cha (Lương Vũ Đế) được một số chùa Thiên Tông ở Hoa Nam thờ như thần hộ pháp.

^{76[37]} Đây là khẩu hiệu của các nhà tân học quá khích như Hồ Thích, Trương Độc Tú trong phong trào Ngũ Tứ chủ trương xóa bỏ cái học cũ, phế bỏ Khổng Mạnh. “Đả đảo Khổng gia điếm” là “đả đảo tiệm buôn của nhà họ Khổng”.

^{77[38]} Nguyên văn là tự pháp, tức là mỗi pháp phái truyền thừa có một bài kệ quy định cách đặt pháp danh. Chẳng hạn, tông Lâm Tế theo pháp phái của ngài Vạn Phong Thời Ủy sẽ vâng theo bài kệ: “*Tổ đạo giới định tông, phương quảng chứng viên thông, hạnh siêu minh thật tế, liễu đạt ngộ chân không, như nhật quang thường chiếu, phổ châu lợi ích đồng, tín hương sanh phước huệ, tương kế chấn từ phong*”. Theo đó, chẳng hạn thầy chữ Siêu thì trò sẽ có pháp danh là chữ Minh. Từ đời chữ Minh, tại Việt Nam, đã biệt xuất ít nhất ba thiền phái là Lâm Tế Chúc Thánh (Minh thật pháp toàn chương...), Lâm Tế Liễu Quán (Thật Tế đại đạo, tánh hải thanh trừng...) và Minh Hành Tại Toại (Minh chân như bảo hải, kim tương phổ chiếu thông...)

^{78[39]} Nguyên văn “*tự nhân Mạnh Tử, Ngô Mạnh Tử, Trâu nhân Mạnh Tử*” : Đây là ba nhân vật có cùng chữ Mạnh trong tên họ: Tự nhân Mạnh Tử được nhắc tới trong bài Càng Bá của thiên Nhĩ Nhã kinh Thi: “*Tự nhân Mạnh Tử, vì tác thử thi, phàm bách quân tử, kính nhi thính chi*” (hoạn quan Mạnh Tử, làm bài thơ này, quân tử đi qua, kính xin nghe lấy). Theo lệ cổ, người cùng họ không thể lấy nhau, Lỗ Chiêu Công muốn lấy người con gái xứ Ngô làm vợ, nhưng cô ta cũng họ Cơ giống như nhà vua, vua bèn đổi họ cô ta thành Ngô, vì cô là con đầu lòng trong nhà nên vua đặt tên cho cô ta là Ngô Mạnh Tử. Khổng Tử phê phán: “*Quân thủ ư Ngô, vị đồng tánh, vị chi Ngô Mạnh Tử, quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ*” (Vua lấy con gái đất Ngô, vì cô ta cùng họ, bèn gọi cô ta là Ngô Mạnh Tử, vua mà biết lễ thì còn ai mà chẳng biết lễ nữa). Mạnh Tử đất Trâu chính là Mạnh Kha, tự Tử Dư, quê ở Trâu Thành, tỉnh Sơn Đông, là người kế nghiệp Khổng Tử.

^{79[40]} Đây là tên ba nhân vật do Trang Tử đặt ra trong thiên Đại Tông Sư sách Nam Hoa Kinh. Trang Tử viết: “*Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Trương ba người trò chuyện, bảo: ‘Ai có thể lấy vô tâm để kết giao với nhau, giúp nhau mà chẳng lộ dấu vết? Ai có thể vượt khỏi ngoại vật, nhảy vào chỗ vô cùng, quên hết sanh mạng, không biết nơi đâu là cùng tận?’ Ba người nhìn nhau cười, trong bụng cảm thấy rất hợp nhau, bèn kết làm bạn*”.